

14. DIỄN GIẢI KINH MỘT CÁCH NHANH CHÓNG (TUVATAKASUTTANIDDESO)

Giờ phần “Diễn giải kinh một cách nhanh chóng” được nói đến:

14.1. Tôi hỏi Ngài, đáng Quyến Thuộc Của Mặt Trời,
Bậc Đại Ấn sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh.
Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khuru được tịch diệt,
Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian?

Tôi hỏi Ngài, đáng Quyến Thuộc Của Mặt Trời.

Câu hỏi: Có ba loại câu hỏi: Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy, câu hỏi để trao đổi điều đã thấy, câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn.

Câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng chưa được biết, chưa được thấy, chưa được cân nhắc, chưa được xác định, chưa được rõ rệt, chưa được minh định thì người ta hỏi câu hỏi để biết, để thấy, để cân nhắc, để xác định, để phân biệt về điều ấy. Đây là câu hỏi để làm sáng tỏ điều chưa thấy.

Câu hỏi để trao đổi điều đã thấy là loại nào? Thông thường, đối với tướng trạng đã được biết, đã được thấy, đã được cân nhắc, đã được xác định, đã được rõ rệt, đã được minh định thì người ta hỏi câu hỏi nhằm mục đích trao đổi cùng với các vị sáng suốt khác. Đây là câu hỏi để trao đổi điều đã thấy.

Câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn là loại nào? Thông thường, người bị rơi vào sự ngờ vực, bị rơi vào sự nhầm lẫn, bị sanh lên sự lưỡng lự rằng: “Phải chăng như vậy là đúng, phải chăng là không đúng, là cái gì đây, là thế nào đây?” Người ấy hỏi câu hỏi nhằm mục đích cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là câu hỏi để cắt đứt sự nhầm lẫn. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi của loài người, câu hỏi của phi nhân, câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra.

Câu hỏi của loài người là loại nào? Loài người đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các vị Tỳ-khuru hỏi, các vị Tỳ-khuru-ni hỏi, các nam cư sĩ hỏi, các nữ cư sĩ hỏi, các vị vua hỏi, các vị Sát-đế-ly hỏi, các vị Bà-la-môn hỏi, các thương buôn hỏi, các kẻ nô lệ hỏi, các người tại gia hỏi, các vị xuất gia hỏi. Đây là câu hỏi của loài người.

Câu hỏi của phi nhân là loại nào? Các phi nhân đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi: Các loài rồng hỏi, các loài linh điều hỏi, các dạ-xoa hỏi, các

a-tu-la hỏi, các càn-thát-bà hỏi, các vị Đại Thiên vương hỏi, các Thiên chủ hỏi, các Phạm thiên hỏi, các thiên nhân hỏi. Đây là câu hỏi của phi nhân.

Câu hỏi của vị [Phật] do thần thông biến hóa ra là loại nào? Đức Thế Tôn hóa hiện ra hình dáng [vị Phật] được tạo thành bởi ý, có tất cả các bộ phận thân thể lớn nhỏ, có giác quan không bị khiếm khuyết. Vị [Phật] do thần thông biến hóa ra ấy đi đến gặp đức Phật Thế Tôn và hỏi câu hỏi, đức Thế Tôn trả lời. Đây là câu hỏi của vị [Phật] đã được hóa hiện ra. Đây là ba loại câu hỏi.

Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của bản thân, câu hỏi về lợi ích của người khác, câu hỏi về lợi ích của cả hai. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích trong đời này, câu hỏi về lợi ích trong đời sau, câu hỏi về lợi ích tối thượng. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về lợi ích của sự không tội lỗi, câu hỏi về lợi ích của sự không ô nhiễm, câu hỏi về lợi ích của sự trong sạch. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quá khứ, câu hỏi về vị lai, câu hỏi về hiện tại. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về nội phần, câu hỏi về ngoại phần, câu hỏi về nội phần và ngoại phần. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiện, câu hỏi về bất thiện, câu hỏi về vô ký. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về uẩn, câu hỏi về giới, câu hỏi về xứ. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về thiết lập niệm, câu hỏi về chánh cần, câu hỏi về nền tảng của thần thông. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về quyền, câu hỏi về lực, câu hỏi về giác chi. Còn có ba loại câu hỏi khác nữa: Câu hỏi về Đạo, câu hỏi về Quả, câu hỏi về Niết-bàn.

Tôi hỏi Ngài: Tôi hỏi Ngài, tôi yêu cầu Ngài, tôi thỉnh cầu Ngài, tôi đặt niềm tin ở Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng cho tôi. “Tôi hỏi Ngài” là như thế.

Đấng Quyên Thuộc Của Mặt Trời: Mặt trời nói đến Thái Dương. Thái Dương là Gotama theo dòng tộc, đức Thế Tôn cũng là Gotama theo dòng tộc. Đức Thế Tôn là bà con trong dòng tộc, là quyên thuộc trong dòng tộc của Thái Dương; vì thế, đức Phật là quyên thuộc của mặt trời.

“Tôi hỏi Ngài, đấng Quyên Thuộc Của Mặt Trời” là như thế.

Bậc Đại Ân sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh.

Sự viễn ly: Có ba sự viễn ly: Viễn ly về thân, viễn ly về tâm, viễn ly về mầm tái sanh.

Thế nào là **viễn ly về thân**? Ở đây, vị Tỳ-khưu thân cận chỗ trú ngụ tách biệt, khu rừng rậm, gốc cây, sườn núi, thung lũng, khe núi, bãi tha ma, khu rừng thưa, đồng trống, đồng rom, và sống tách biệt về thân. Vị ấy đi một mình, đứng một mình, ngồi một mình, nằm một mình, đi vào làng để khát thực một mình, đi trở về một mình, ngồi nơi vắng vẻ một mình, quyết định kinh hành một mình, thực hành, trú ngụ, sinh hoạt, vận hành, bảo hộ, hộ trì, bảo dưỡng một mình. Đây là viễn ly về thân.

Thế nào là **viễn ly về tâm**? Đối với vị thể nhập Sơ thiền, tâm được tách biệt

khỏi các pháp che lấp. Đối với vị thể nhập Nhị thiên, tâm được tách biệt khỏi tầm và tứ. Đối với vị thể nhập Tam thiên, tâm được tách biệt khỏi hỷ. Đối với vị thể nhập Tứ thiên, tâm được tách biệt khỏi lạc và khổ. Đối với vị thể nhập Không vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi sắc tướng, bất bình tướng, dị biệt tướng. Đối với vị thể nhập Thức vô biên xứ, tâm được tách biệt khỏi Không vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Vô sở hữu xứ, tâm được tách biệt khỏi Thức vô biên xứ tướng. Đối với vị thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ, tâm được tách biệt khỏi Vô sở hữu xứ tướng. Đối với vị Nhập lưu, tâm được tách biệt khỏi sự nhận thức sai trái về thân, sự hoài nghi, sự bám víu vào giới và phạm sự, tà kiến tiềm ẩn, hoài nghi tiềm ẩn, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Nhất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất thô thiên, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất thô thiên, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị Bất lai, tâm được tách biệt khỏi sự ràng buộc của ái dục và sự ràng buộc của bất bình có tính chất vi tế, ái dục tiềm ẩn và bất bình tiềm ẩn có tính chất vi tế, và các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy. Đối với vị A-la-hán, tâm được tách biệt khỏi ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh, ngã mạn tiềm ẩn, hữu ái tiềm ẩn, vô minh tiềm ẩn, các phiền não cộng trú với mỗi pháp ấy, và mọi hiện tướng ở bên ngoài. Đây là viễn ly về tâm.

Thế nào là **viễn ly về mầm tái sanh**? Mầm tái sanh nói đến các ô nhiễm, các uẩn và các hành. Viễn ly về mầm tái sanh nói đến bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Đây là viễn ly về mầm tái sanh.

Viễn ly về thân là đối với các vị có thân đã lui về nơi ẩn dật, đã thích thú trong việc xuất ly; viễn ly về tâm là đối với các vị có tâm hoàn toàn trong sạch, đã đạt đến sự trong trắng tuyệt đối; và viễn ly về mầm tái sanh là đối với các cá nhân không còn mầm tái sanh, đã đạt đến việc lìa khỏi các pháp tạo tác.

An tịnh: Theo một khía cạnh, an tịnh và vị thể an tịnh cũng y như nhau, đều là bất tử, Niết-bàn, là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Vị thể này là an tịnh, vị thể này là hạo hạng, tức là sự yên lặng của tất cả các pháp tạo tác, sự buông bỏ tất cả các mầm tái sanh, sự diệt trừ tham ái, sự lìa khỏi luyến ái, sự diệt tận, Niết-bàn.” Hoặc là, theo một khía cạnh khác, các pháp nào vận hành đưa đến việc chứng đắc sự an tịnh, đưa đến việc chạm đến sự an tịnh, đưa đến việc chứng ngộ sự an tịnh, như là: Bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần. Các pháp này gọi là vị thể an tịnh, vị thể nương tựa, vị thể trú ẩn, vị thể nương nhờ, vị thể không sợ hãi, vị thể bất hoại, vị thể bất tử, vị thể Niết-bàn.

Bậc Đại Ân Sĩ: Đức Thế Tôn là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu giới uẩn lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu định uẩn lớn lao, ... tuệ uẩn lớn lao, ... giải thoát uẩn lớn lao, ... giải thoát tri kiến uẩn lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu sự phá tan khỏi tam tối lớn lao, sự phá vỡ điều trái khuấy lớn lao, sự nhổ lên mũi tên tham ái lớn lao, sự tháo tung mối rối rắm tà kiến lớn lao, sự xô ngã ngọn cỏ ngã mạn lớn lao, sự vắng lặng pháp tạo tác lớn lao, sự thoát khỏi dòng lũ lớn lao, sự quăng bỏ gánh nặng lớn lao, sự cắt đứt vòng quay luân hồi lớn lao, việc dập tắt sự nóng nảy lớn lao, việc tịch tịnh sự bức bối lớn lao, việc nâng lên ngọn cờ giáo pháp lớn lao” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị đã tìm kiếm, đã tìm tòi, đã tầm cầu các sự thiết lập niệmlớn lao, ... các chánh cần lớn lao, ... các nền tảng của thần thông lớn lao, ... các quyền lớn lao, ... các lực lớn lao, ... các yếu tố đưa đến giác ngộ lớn lao, ... đạo lộ Thánh thiện tám chi phần lớn lao, ... chân lý tuyệt đối lớn lao, bất tử, Niết-bàn” là bậc Đại Ân Sĩ. “Vị được tầm cầu, được tìm tòi, được tìm kiếm bởi các chúng sanh có uy lực lớn lao [hỏi rằng]: Đức Phật ngự ở đâu? Đức Thế Tôn ngự ở đâu? Chúa của chư thiên ngự ở đâu? Đấng Nhân Nguru ngự ở đâu?” là bậc Đại Ân Sĩ.

“Bậc Đại Ân Sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh” là như thế.

Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khuru được tịch diệt? Sau khi nhìn thấy, sau khi nhìn xem, sau khi cân nhắc, sau khi xét đoán, sau khi phân biệt, sau khi làm rõ rệt như thế nào mà [vị Tỳ-khuru] dập tắt luyến ái, dập tắt sân hận, dập tắt si mê, dập tắt, làm an tịnh, làm yên tịnh, làm vắng lặng, làm tịch tịnh sự giận dữ, thù hận, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện của bản thân?

Vị Tỳ-khuru: Là vị Tỳ-khuru phạm nhân tốt lành hoặc vị Tỳ-khuru là bậc Hữu học.

“Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khuru được tịch diệt?” là như thế.

Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian: Trong khi không chấp thủ, trong khi không nắm lấy, trong khi không bám víu, trong khi không chấp chặt đối với bốn thủ.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh, ở thế gian của loài người, ở thế gian của chư thiên, ở thế gian của các uẩn, ở thế gian của các giới, ở thế gian của các xứ.

Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

“Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Tôi hỏi Ngài, đáng Quyển Thuộc Của Mặt Trời,
Bậc Đại Ân Sĩ về sự viễn ly và vị thế an tịnh.
Sau khi nhìn thấy như thế nào, vị Tỳ-khuru được tịch diệt,
Không còn chấp thủ bất cứ cái gì ở thế gian?”*

14.2. Đức Thế Tôn nói: “*Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] ‘tôi là’ nhờ vào trí tuệ. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm.*”

Đức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] ‘tôi là’ nhờ vào trí tuệ: Vọng tưởng chính là các pháp có tên gọi là vọng tưởng; tham ái có tên gọi là vọng tưởng, tà kiến có tên gọi là vọng tưởng. Gốc rễ của vọng tưởng tham ái là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của vọng tưởng tham ái. Gốc rễ của vọng tưởng tà kiến là điều nào? Vô minh là gốc rễ, tác ý không đúng đường lối là gốc rễ, ngã mạn về bản thân là gốc rễ, không hổ thẹn [tội lỗi] là gốc rễ, không ghê sợ [tội lỗi] là gốc rễ, phóng dật là gốc rễ; điều này là gốc rễ của vọng tưởng tà kiến.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. Thêm nữa, “vị có luyến ái đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có sân hận đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có si mê đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ngã mạn đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có tà kiến đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có cây gai đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị có ô nhiễm đã được phá vỡ” là đức Thế Tôn; “vị đã phân phát, đã phân chia, đã phân phối Pháp bảo” là đức Thế Tôn; “vị thực hiện sự chấm dứt các hữu” là đức Thế Tôn; “vị có thân đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị có giới đã được tu tập, có tâm đã được tu tập, có tuệ đã được tu tập” là đức Thế Tôn; “vị đã thân cận các khu rừng, các nơi heo hút, các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về vị của mục đích, về vị của pháp, về vị của giải thoát, về thắng giới, về thắng tâm, về thắng tuệ” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn thiền, về bốn vô lượng [tâm], về bốn sự thể nhập vô sắc” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về tám giải thoát, về tám thắng xứ [của thiền], về chín sự thể nhập và an trú theo tuần tự” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười sự tu tập về tướng, về mười sự thể nhập các đề mục *kasina*, về định niệm hơi thở vào hơi thở ra, về sự thể nhập các đề mục tứ thi” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần” là đức Thế Tôn; “vị có dự phần hoặc sở hữu về mười Như Lai lực, về bốn pháp tự tin, về

bốn tuệ phân tích, về sáu thắng trí, về sáu pháp của đức Phật” là đức Thế Tôn. Tên gọi “Thế Tôn” này không do mẹ tạo ra, không do cha tạo ra, không do anh [em] trai tạo ra, không do chị [em] gái tạo ra, không do bạn bè hoặc thân hữu tạo ra, không do các thân quyến và những người cùng huyết thống tạo ra, không do các Sa-môn hoặc Bà-la-môn tạo ra, không do chư thiên tạo ra, sự tận cùng của giải thoát này là sự quy định thuộc về chư Phật Thế Tôn do sự đạt được, do sự chứng ngộ trí Toàn tri ở cội cây Bồ-đề, tức là “đức Thế Tôn.” “Đức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng” là như thế.

Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] “tôi là” nhờ vào trí tuệ.

Trí tuệ: Được gọi là tuệ; tuệ là sự nhận biết,... (nt)... sự không si mê, sự chọn lựa pháp, chánh kiến.

Tôi là: Ngã mạn “tôi là”, mong muốn “tôi là”, sự tiềm ẩn “tôi là”, ở sắc; ngã mạn “tôi là”, mong muốn “tôi là”, sự tiềm ẩn “tôi là” ở thọ;... ở tưởng;... ở các hành;... ở thức. “Đức Thế Tôn nói: Gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng” là như thế.

Nên chặn đứng toàn bộ... [ngã mạn] “tôi là” nhờ vào trí tuệ: Nên ngăn cản, nên chặn đứng, nên làm tịch diệt, nên làm vắng lặng, nên làm biến hoại, nên làm tịch tịnh toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và ngã mạn “tôi là” nhờ vào trí tuệ.

“Đức Thế Tôn nói: Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] ‘tôi là’ nhờ vào trí tuệ” là như thế.

Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần.

Bất cứ điều gì: Tất cả theo tổng thể, tất cả trong mọi trường hợp, một cách trọn vẹn, không còn dư sót, cụm từ “*yā kācī*” này là lời nói của sự bao gồm.

Tham ái: Tham ái về cảnh sắc,... (nt)... tham ái về cảnh pháp.

Nội phần: Tham ái ấy có sự sanh lên ở nội phần. “Nội phần” là như thế. Hoặc là, nội phần nói đến tâm, tức là tâm, ý, ý thức, trái tim, chất xám; ý, ý xú, ý quyền, thức, thức uẩn, từ đó ý thức giới sanh lên. Tham ái ấy là đồng hành, đồng sanh, được gắn bó, được gắn liền, cùng sanh, cùng diệt, chung một nền tảng, chung một đối tượng với tâm. “Nội phần” còn là như thế.

“Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần” là như thế.

Để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời, thường khi, luôn khi, thường xuyên, liên tục, không gián đoạn, tiếp nối liên tục, sanh lên tuần tự [như sóng nước], không lưa thưa, không đứt khoảng, không ngừng lại, được liên lặn, trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào canh đầu, vào canh giữa, vào canh cuối, vào hậu bán nguyệt, vào tiền bán nguyệt, vào mùa mưa, vào mùa lạnh, vào mùa nóng, ở chặng đầu của tuổi thọ, ở chặng giữa của tuổi thọ, ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm

ở việc quan sát thân trên thân,... (nt)... trên các thọ,... (nt)... trên tâm, có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát pháp trên các pháp. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do lánh xa thất niệm, có niệm do trạng thái đã thực hành các pháp cần phải thực hành đối với niệm, có niệm do trạng thái đã tiêu diệt các pháp đối nghịch với niệm, có niệm do trạng thái không lơ là đối với các pháp ấn chứng của niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái đã thành tựu về niệm, có niệm do trạng thái đã trú ở niệm, có niệm do trạng thái quen thuộc với niệm, có niệm do trạng thái không thối thất đối với niệm. Có niệm còn bởi bốn lý do khác: Có niệm do trạng thái tự tại, có niệm do trạng thái được yên lặng, có niệm do trạng thái được an tịnh, có niệm do trạng thái đã thành tựu pháp của bậc chân nhân. Có niệm do tùy niệm Phật, có niệm do tùy niệm Pháp, có niệm do tùy niệm Tăng, có niệm do tùy niệm giới, có niệm do tùy niệm xả thí, có niệm do tùy niệm thiện, có niệm do niệm hơi thở vào hơi thở ra, có niệm do tùy niệm sự chết, có niệm do niệm đặt ở thân, có niệm do tùy niệm Niết-bàn. Niệm là sự tùy niệm, niệm hiện tiền; niệm là trạng thái ghi nhớ, trạng thái ghi nhận, trạng thái không lơ là, trạng thái không quên lãng; niệm là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, con đường độc đạo; điều này được gọi là niệm. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã tròn đủ, đã thành tựu niệm này, người ấy được gọi là có niệm.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ.

Việc nào là sự học tập về thắng giới? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành trong các điều học. Nhóm giới nhỏ, nhóm giới lớn, giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp. Việc này là sự học tập về thắng giới.

Việc nào là sự học tập về thắng tâm? Ở đây, vị Tỳ-khuru ngay sau khi tách ly khỏi các dục, tách ly khỏi các bất thiện pháp, đạt đến và trú thiền thứ nhất, có tâm có tứ, có hỷ lạc sanh lên do sự tách ly; do sự vắng lặng của tâm và tứ, đạt đến và trú thiền thứ nhì, có sự tĩnh lặng thuộc nội phân, có trạng thái chuyên nhất của tâm, không tâm không tứ, có hỷ lạc sanh lên do định; do sự không còn luyến ái ở hỷ, an trú xả, có niệm và có sự nhận biết rõ, và cảm nhận lạc bằng thân, đó là điều mà các bậc Thánh gọi là: “Có xả, có niệm, có sự trú vào lạc”, đạt đến và trú thiền thứ ba; và do sự từ bỏ lạc, do sự từ bỏ khổ [ở thân], do sự biến mất của hỷ tâm và ưu phiền [đã có] ngay trước đó, đạt đến và trú thiền thứ tư, có sự thanh tịnh của xả và niệm, không khổ không lạc. Việc này là sự học tập về thắng tâm.

Việc nào là sự học tập về thắng tuệ? Ở đây, vị Tỳ-khuru là vị có tuệ, thành tựu về tuệ hướng đến sự sanh diệt, góp phần vào sự thấu triệt cao thượng, dẫn đến việc cạn kiệt hoàn toàn của khô. Vị ấy nhận biết đúng theo thực thể rằng:

“Đây là khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là nhân sanh khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận khổ”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là nhân sanh các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự diệt tận các lậu hoặc”, nhận biết đúng theo thực thể rằng: “Đây là sự thực hành đưa đến sự diệt tận các lậu hoặc.” Việc này là sự học tập về thắng tuệ.

Để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm: Nên học tập về thắng giới, nên học tập về thắng tâm, nên học tập về thắng tuệ nhằm loại bỏ, nhằm bài trừ, nhằm dứt bỏ, nhằm làm vắng lặng, nhằm buông bỏ, nhằm tịch tịnh các tham ái ấy. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập; trong khi biết thì nên học tập; trong khi thấy thì nên học tập; trong khi quán xét lại thì nên học tập; trong khi quyết định tâm thì nên học tập; trong khi hướng đến đức tin thì nên học tập; trong khi ra sức tinh tấn thì nên học tập; trong khi thiết lập niệm thì nên học tập; trong khi tập trung tâm thì nên học tập; trong khi nhận biết bằng tuệ thì nên học tập; trong khi biết rõ pháp cần được biết rõ thì nên học tập; trong khi biết toàn diện pháp cần được biết toàn diện thì nên học tập; trong khi dứt bỏ pháp cần được dứt bỏ thì nên học tập; trong khi tu tập pháp cần được tu tập thì nên học tập; trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

Đức Thế Tôn nói: “Nên chặn đứng toàn bộ gốc rễ của cái được gọi là vọng tưởng và [ngã mạn] ‘tôi là’ nhờ vào trí tuệ. Bất cứ những tham ái nào thuộc nội phần để loại trừ chúng, nên học tập, luôn luôn có niệm.”

14.3. Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ

Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác],

Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng,

Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt.

Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]: Nên nhận biết bất cứ đức tính nào của bản thân, là các pháp thiện hay là các pháp vô ký. Các điều nào là đức tính của bản thân? Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải; hoặc là, ta xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá; hoặc là, ta được biết tiếng, có danh vọng trong số các hàng tại gia và xuất gia; hoặc là, ta có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh; hoặc là, ta là vị chuyên về Kinh; hoặc là, ta có sự ghi nhớ về Luật; hoặc là, ta là vị thuyết Pháp; hoặc là, ta là vị ngụ ở rừng; hoặc là, ta là vị chuyên đi khát thực; hoặc là, ta là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ; hoặc là, ta là vị chỉ sử dụng ba y; hoặc là, ta là vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà; hoặc là, ta là vị không ăn vật thực dâng sau; hoặc là, ta là

vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm); hoặc là, ta là vị ngu ở chỗ đã được chỉ định; hoặc là, ta là “vị đạt Sơ thiên”; hoặc là, ta là “vị đạt Nhị thiên”; hoặc là, ta là “vị đạt Tam thiên”; hoặc là, ta là “vị đạt Tứ thiên”; hoặc là, ta là “vị đạt sự thể nhập Không vô biên xứ”; hoặc là, ta là “vị đạt sự thể nhập Thức vô biên xứ, ... sự thể nhập Vô sở hữu xứ, ... sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ”; các điều này là các đức tính của bản thân. Nên nhận biết, nên hiểu biết, nên nhận thức, nên thừa nhận, nên thấu triệt bất cứ đức tính nào của bản thân.

“Bất cứ pháp (đức tính) nào có thể biết rõ thuộc nội phần [nơi bản thân]” là như thế.

Hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác]: Các đức tính ấy là của vị thầy tế độ hoặc của vị thầy dạy học.

“Hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác]” là như thế.

Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng: Không nên thể hiện sự ngang tàng, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện vì đức tính của bản thân hoặc vì đức tính của những người khác, không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngang cao đầu.

“Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng” là như thế.

Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt: Các bậc thiện nhân, các bậc an tịnh, các bậc chân nhân, các vị Phật, các vị Thánh văn của đức Phật, các vị Phật Độc Giác không nói, không phát biểu, không nêu ra, không chỉ bảo, không thông báo, không ấn định, không khai mở, không chia sẻ, không làm rõ, không bày tỏ rằng: “Điều ấy là sự tịch diệt.”

“Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bất cứ pháp [đức tính] nào có thể biết rõ

Thuộc nội phần [nơi bản thân] hay là thuộc ngoại phần [nơi người khác],

Không vì điều ấy mà thể hiện sự ngang tàng,

Bởi vì điều ấy không được các bậc thiện nhân gọi là sự tịch diệt.”

14.4. Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn,

Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương.

Bị tác động bởi nhiều hình thức,

Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy].

Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn: Không nên sanh khởi cao ngạo rằng: “Ta là tốt hơn” về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

“Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn” là như thế.

Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương: Không nên sanh khởi tự ti rằng: “Ta là thua kém” về xuất thân, về dòng dõi,... (nt)... hoặc về sự việc này khác. Không nên sanh khởi ngã mạn rằng: “Ta là ngang bằng” về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác.

“Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương” là như thế.

Bị tác động bởi nhiều hình thức: Bị tác động, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi những kiểu cách theo nhiều loại.

“Bị tác động bởi nhiều hình thức” là như thế.

Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]: Bản thân nói đến tự ngã. Trong khi sắp đặt, trong khi sắp xếp, trong khi đi đến việc sắp xếp về bản thân (như là: “Ta xuất gia từ gia tộc thượng lưu”, v.v...), không nên dừng lại [ở điều ấy].

“Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên vì việc ấy mà nghĩ rằng [bản thân] là tốt hơn,

Kém thua, hoặc thậm chí là tương đương.

Bị tác động bởi nhiều hình thức,

Trong khi sắp xếp về bản thân, không nên dừng lại [ở điều ấy].”

14.5. Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm,

Vị Tỳ-khuru không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác.

Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm,

Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?

Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm: Nên làm yên lặng luyện ái, nên làm yên lặng sân hận; nên làm yên lặng si mê, nên làm yên lặng; nên làm yên tịnh, nên làm vắng lặng; nên làm tịch diệt, nên làm tịch tịnh sự giận dữ, thù hận, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm.

“Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm” là như thế.

Vị Tỳ-khuru không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác: Không nên tìm kiếm, không nên tìm tòi, không nên tầm cầu sự an tịnh, sự yên tịnh, sự vắng lặng, sự tịch diệt, sự tịch tịnh bằng [đạo lộ] khác, bằng đạo lộ không trong sạch, bằng cách thực hành sai trái, bằng đường lối không dẫn dắt ra khỏi, ngoại trừ các sự thiết lập niệm; ngoại trừ các chánh cần, ngoại trừ các nền tảng của thần thông, ngoại trừ các quyền, ngoại trừ các lực, ngoại trừ các yếu tố đưa đến giác ngộ, ngoại trừ đạo lộ Thánh thiện tám chi phần.

“Vị Tỳ-khuru không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác” là như thế.

Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm: Đối với vị đã được an tịnh luyện ái, đối với vị đã được an tịnh sân hận, đối với vị đã được an tịnh si mê,... (nt)... đối với vị đã được an tịnh, đã được yên tịnh, đã được vắng lặng, đã được tịch diệt, đã được tịch tịnh tất cả các pháp tạo tác bất thiện ở nội tâm.

“Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm” là như thế.

Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?

Không có: Là sự phủ định. Không có ngã kiến rằng: “**Có tự ngã.**” Không có đoạn kiến rằng: “**Không có tự ngã.**” Không có điều đã được nắm lấy rằng: “**Có tự ngã.**” Không có điều cần được giải thoát rằng: “**Không có tự ngã.**” Người nào không có điều đã được nắm lấy thì người ấy không có điều cần được giải thoát, người nào không có điều cần được giải thoát thì người ấy không có điều đã được nắm lấy. Trong khi vượt qua hẳn việc nắm giữ và việc giải thoát, bậc A-la-hán vượt qua khỏi sự tiến tu và thối thất. Vị ấy đã trải qua cuộc sống [của bậc Thánh], đã hoàn tất việc thực hành,... (nt)... việc sanh tử luân hồi, việc sanh ra lần nữa không có đối với vị ấy.

“Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Nên làm yên tịnh ngay ở nội tâm,
Vị Tỳ-khưu không nên tìm kiếm sự an tịnh bằng [đạo lộ] khác.
Đối với vị đã được yên tịnh ở nội tâm,
Điều nắm giữ là không có, từ đâu có điều được rời bỏ?”*

14.6. *Giống như ở phần giữa của biển cả*

*Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra,
Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng,
Vị Tỳ-khưu không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu.*

Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra: Biển cả là sâu thẳm với độ sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần. Bốn vạn do-tuần ở phần dưới, nước rung động bởi các loài cá và rùa. Bốn vạn do-tuần ở phần trên, nước rung động bởi các cơn gió. Bốn ngàn do-tuần ở phần giữa, nước không rung động, không lay động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động; biển cả là không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị loạn động, không bị quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên. “Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra” là như vậy. Hoặc là, ở bên trong của bảy ngọn núi¹ có bảy đại dương Sīdantarā; tại nơi ấy nước không rung động, không lay động, không dao động, không run rẩy, không

¹ Là 7 ngọn núi của dãy Hy-mã-lạp có tên theo thứ tự là Yugandhara, Isadhara, Karavīka, Sudassana, Nemindhara, Vinataka và Assakanna (xem DPPN). (ND)

chấn động, không rung động; đại dương là không bị di động, không bị đụng chạm, không bị dao động, không bị loạn động, không bị quay cuồng, được vắng lặng; tại nơi ấy sóng biển không được sanh ra, biển cả là đứng yên.

“Giống như ở phần giữa của biển cả là đứng yên, sóng biển không được sanh ra” còn là như vậy.

Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng.

Tương tự như vậy: Là phương thức của sự so sánh.

Trầm tĩnh: Là không rung động vì lợi lộc, không rung động vì không lợi lộc, không rung động vì danh vọng, không rung động vì không danh vọng, không rung động vì lời khen, không rung động vì lời chê, không rung động vì hạnh phúc, không rung động vì khổ đau, không lay động, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động. “Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh” là như thế.

Không dục vọng: Dục vọng nói đến tham ái, tức là sự luyến ái, luyến ái mãnh liệt,... (nt)... tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện. Đối với người nào dục vọng tham ái ấy đã được dứt bỏ, đã được cắt lìa, đã được trừ tuyệt, đã được vắng lặng, đã được tịch tịnh, không thể sanh khởi nữa, đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ; người ấy được gọi là không dục vọng. Do trạng thái đã được dứt bỏ đối với dục vọng mà trở thành không dục vọng. Người ấy không xao động vì lợi lộc, không xao động vì không lợi lộc, không xao động vì danh vọng, không xao động vì không danh vọng, không xao động vì lời khen, không xao động vì lời chê, không xao động vì hạnh phúc, không xao động vì khổ đau, không dao động, không run rẩy, không chấn động, không rung động.

“Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng” là như thế.

Vị Tỳ-khuru không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu.

Kiêu ngạo: Có bảy sự kiêu ngạo. Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra [thái độ] kiêu ngạo do luyến ái, kiêu ngạo do sân hận, kiêu ngạo do si mê, kiêu ngạo do ngã mạn, kiêu ngạo do tà kiến, kiêu ngạo do ô nhiễm, kiêu ngạo do nghiệp.

Ở bất cứ đâu: Ở bất cứ đâu là ở bất cứ nơi nào, ở một nơi nào đó, ở bên trong, hoặc ở bên ngoài, hoặc ở bên trong và bên ngoài.

“Vị Tỳ-khuru không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Giống như ở phần giữa của biển cả

Là đứng yên, sóng biển không được sanh ra,

Tương tự như vậy, nên trầm tĩnh, không dục vọng,

Vị Tỳ-khuru không nên tạo ra [thái độ] kiêu ngạo ở bất cứ đâu.”

14.7. Bạc có mắt được mở ra đã nói về

Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiểm họa.

Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành,

Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa.

Bạc có mắt được mở ra đã nói về.

Đã nói về: Là đã được trả lời, đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ. “Đã nói về” là như thế.

Bạc có mắt được mở ra: Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với năm loại mắt: Có mắt được mở ra với nhục nhãn, có mắt được mở ra với thiên nhãn, có mắt được mở ra với tuệ nhãn, có mắt được mở ra với Phật nhãn, và có mắt được mở ra với toàn nhãn.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra **với nhục nhãn** nghĩa là thế nào? Ở nhục nhãn của đức Thế Tôn hiện hữu năm màu sắc: Màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu đen và màu trắng. Và các lông mi của đức Thế Tôn: Nơi nào các lông mi mọc, màu xanh ở nơi ấy là màu xanh tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây ummā. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu vàng, là màu vàng tuyền, màu của kim loại vàng, duyên dáng, đáng nhìn, như là hoa của cây kaṇikāra. Hai bên đuôi mắt của đức Thế Tôn có màu đỏ, là màu đỏ tuyền, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu của loài mối cánh. Chính giữa [hai con mắt] có màu đen, là màu đen tuyền, không sần sùi, bóng láng, duyên dáng, đáng nhìn, như là màu trái addāriṭṭhaka. Phần bên ngoài xung quanh nơi ấy có màu trắng, là màu trắng tuyền, trắng tinh, trắng sáng, duyên dáng, đáng nhìn, như là ngôi sao osadhī. Nhục nhãn tự nhiên ấy, nương ở kim thân, đã được sanh lên do hạnh nghiệp tốt đẹp trong thời quá khứ; thông qua nó, đức Thế Tôn nhìn thấy xung quanh một do-tuần, ban ngày và luôn cả ban đêm. Ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố: Mặt trời đã lặn xuống, vào ngày trai giới thuộc hạ huyền [đêm cuối tháng âm lịch], nơi khu rừng già sâu thẳm và có đám mây đen lớn trôi dạt; ngay cả vào lúc tối tăm hội đủ bốn yếu tố có hình thức như thế, Ngài cũng vẫn nhìn thấy xung quanh một do-tuần. Ở nơi nào đâu có vách tường, cánh cửa, tường thành, ngọn núi, bụi rậm, hoặc dây leo, cũng không là sự ngăn trở việc nhìn thấy các hình thể. Nếu sau khi làm dẫu một hạt mè rồi ném vào cỗ xe chở hạt mè, Ngài vẫn có thể nhặt lên chính hạt mè ấy. Nhục nhãn tự nhiên của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với nhục nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra **với thiên nhãn** nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, với thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng: “Quả vậy, những chúng sanh đang hiện hữu này có uế hạnh về thân, có uế hạnh về khẩu, có uế hạnh về ý, vu khống các bậc Thánh, theo tà kiến, tán

thành các hành động do tà kiến. Những kẻ ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, bị sanh vào đọa xứ, cõi khổ, nơi trừng phạt, địa ngục. Trái lại, những chúng sanh đang hiện hữu này có thiện hạnh về thân, có thiện hạnh về khẩu, có thiện hạnh về ý, không vu khống các bậc Thánh, theo chánh kiến, tán thành các hành động do chánh kiến. Những người ấy, khi tan rã thân xác và chết đi, được sanh vào chốn an vui, cõi trời, thế gian [này].” Như thế, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt trội loài người, Ngài nhìn thấy các chúng sanh trong khi chết đi rồi sanh lại [trở thành] hạ tiện, cao quý, đẹp đẽ, xấu xí, sung sướng, [hay] đau khổ, Ngài biết được rằng các chúng sanh đều đi theo nghiệp tương ứng. Và trong khi mong muốn, đức Thế Tôn có thể nhìn thấy một thế giới,² có thể nhìn thấy hai thế giới, có thể nhìn thấy ba thế giới, có thể nhìn thấy bốn thế giới, có thể nhìn thấy năm thế giới, có thể nhìn thấy mười thế giới, có thể nhìn thấy hai mươi thế giới, có thể nhìn thấy ba mươi thế giới, có thể nhìn thấy bốn mươi thế giới, có thể nhìn thấy năm mươi thế giới, có thể nhìn thấy nhất thiên (tức tiểu thế giới), có thể nhìn thấy nhị thiên (tức trung thế giới), có thể nhìn thấy tam thiên (tức đại thiên thế giới).³ Hơn nữa, Ngài mong muốn đến chừng nào thì Ngài có thể nhìn thấy đến chừng ấy. Thiên nhãn của đức Thế Tôn là thanh tịnh như vậy. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với thiên nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với **tuệ nhãn** nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn là bậc có tuệ vĩ đại, có tuệ rộng lớn, có tuệ vi diệu, có tuệ tốc hành, có tuệ sắc bén, có tuệ thấu suốt, là bậc thiện xảo trong việc chia chẻ bằng tuệ, bậc có trí đã được phát triển, đã đạt đến tuệ phân tích, đã đạt được bốn pháp tự tin, có sự duy trì mười lực, là bậc Nhân Nguru, bậc Nhân Sur, bậc Nhân Tượng, bậc Nhân Kiệt, bậc Nhân Đạo, bậc có trí vô biên, có oai lực vô biên, có danh vọng vô biên, giàu có [về trí tuệ], có tài sản lớn [về trí tuệ], sở hữu tài sản [về trí tuệ], là bậc Hướng Đạo, bậc Hướng Dẫn, bậc Đoạn Nghi, bậc Truyền Đạt, bậc Truyền Thụ, bậc Khởi Mở, bậc Khởi Tín. Chính đức Thế Tôn ấy là vị làm sanh khởi đạo lộ chưa được sanh khởi, là vị làm sanh ra đạo lộ chưa được sanh ra, là vị tuyên thuyết đạo lộ chưa được tuyên thuyết, là vị biết về đạo lộ, là vị hiểu rõ về đạo lộ, là vị rành rẽ về đạo lộ. Và hơn nữa, những người đi theo đạo lộ, là các đệ tử của Ngài, hiện nay đang an trú và sau này sẽ thành tựu [đạo lộ ấy].

Chính đức Thế Tôn ấy biết [đúng bản thể] điều cần phải biết, thấy [đúng bản thể] điều cần phải thấy, là bậc có bản thể của mắt, có bản thể của trí, có bản

² Xem chú thích về “*Lokadhātu*” (Thế giới) ở trang 223. (ND)

³ Nhất thiên (tiểu thế giới), nhị thiên (trung thế giới), tam thiên (đại thiên thế giới):

a/ 1.000 lần (*sahassī*, nhất thiên) thế giới (*lokadhātu*) là một tiểu thế giới (*cūḷanikā lokadhātu*).

b/ 1.000 lần tiểu thế giới 1.000 x 1.000 hay 1.000 lũy thừa hai (*dvisahassī*, nhị thiên) của thế giới là một trung thế giới (*majjhimakā lokadhātu*).

c/ Theo cách tính trên, 1.000 lũy thừa ba (*tiṣahassī*, tam thiên) của thế giới và nhiều ngàn lần hơn nữa thì được gọi là đại thiên thế giới. Và thế gian bao gồm *koṭṭisatasahassacakkavāḷa* (10.000.000 x 100.000 vũ trụ) được nhìn thấy (*Nidā*. II. 383). Ở đây, nhị thiên, tam thiên, đại thiên nên được hiểu theo nghĩa lũy thừa, nghĩa là 1.000 lũy thừa hai, 1.000 lũy thừa ba, và 1.000 lũy thừa của các số lớn hơn 3, chứ không phải là hai ngàn, ba ngàn, nhiều ngàn như nghĩa thông thường.

thể của pháp, có bản thể của Phạm thiên, là vị công bố, vị tuyên thuyết, vị chỉ dẫn mục đích, vị ban cho bất tử, bậc Pháp Chủ, đức Như Lai. Đối với đức Thế Tôn ấy, không có việc không biết, không thấy, không hiểu rõ, không chứng ngộ, không chạm đến bằng tuệ. Tất cả các pháp liên quan đến quá khứ, tương lai, hiện tại, với mọi biểu hiện, đều đi đến phạm vi ở trong tầm trí tuệ của đức Phật Thế Tôn. Bất cứ điều gì có thể biết, nghĩa là có pháp cần phải biết, có lợi ích cho mình, hoặc có lợi ích cho người khác, hoặc có lợi ích cho cả hai, hoặc có lợi ích liên quan đời này, hoặc có lợi ích liên quan đời sau, hoặc có lợi ích hời hợt, hoặc có lợi ích thâm sâu, hoặc có lợi ích được giấu kín, hoặc có lợi ích được che đậy, hoặc có lợi ích tiềm tàng, hoặc có lợi ích hiển hiện, hoặc có lợi ích không tội lỗi, hoặc có lợi ích không ô nhiễm, hoặc có lợi ích trong sạch, hoặc có lợi ích là lợi ích tối thượng, tất cả [các] điều ấy đều vận hành ở bên trong trí của đức Phật.

Tất cả thân nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí, tất cả khẩu nghiệp ... tất cả ý nghiệp của đức Phật Thế Tôn đều vận hành theo trí. Đức Phật Thế Tôn có trí không bị chướng ngại về quá khứ, ... về vị lai, có trí không bị chướng ngại về hiện tại. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Giống như hai nắp đậy của cái hộp được gắn liền đúng đắn, nắp đậy bên dưới không lệch nắp trên, nắp đậy bên trên không lệch nắp dưới, chúng có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau; tương tự như vậy, điều-có-thể-biết và trí của đức Phật Thế Tôn có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau. Điều-có-thể-biết là chừng nào thì trí là chừng ấy, trí là chừng nào thì điều-có-thể-biết là chừng ấy. Trí có điều-có-thể-biết là giới hạn, điều-có-thể-biết có trí là giới hạn; vượt qua điều-có-thể-biết thì trí không vận hành, vượt qua trí thì không có hành trình của điều-có-thể-biết; các pháp ấy có sự xác lập giới hạn tương xứng với nhau.

Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả các pháp. Tất cả các pháp được gắn liền với sự hướng tâm, được gắn liền với sự mong muốn, được gắn liền với sự chú tâm, được gắn liền với sự khởi tâm của đức Phật Thế Tôn. Trí của đức Phật Thế Tôn vận hành ở tất cả chúng sanh. Đức Thế Tôn biết tính tình, biết tiềm năng, biết nét hạnh, biết khuynh hướng của tất cả chúng sanh. Ngài nhận biết các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, có khả năng và không có khả năng. Thế gian tính luôn côi chur thiên, côi Ma vương, côi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chur thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật.

Giống như bất cứ những loài cá và rùa nào, thậm chí luôn cả cá ông và cá voi, chuyển vận ở bên trong đại dương; tương tự như vậy, thế gian tính luôn

cõi chư thiên, cõi Ma vương, cõi Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, chuyển vận ở bên trong trí của đức Phật. Giống như bất cứ những loài có cánh nào, thậm chí luôn cả loài nhân điều là loài linh thú, chuyển vận ở phạm vi thuộc bầu trời; tương tự như vậy, những vị nào tương đương với vị Sāriputta về tuệ, những vị ấy cũng chuyển vận ở phạm vi thuộc Phật trí; Phật trí thâm nhập tuệ của chư thiên và loài người, ngự trị và trụ lại. Những vị Sát-đế-ly sáng suốt, những vị Bà-la-môn sáng suốt, những gia chủ sáng suốt, những vị Sa-môn sáng suốt, tinh tế, quen thuộc với học thuyết của những người khác như người cung thủ có thể bắn trúng cọng tóc, nghĩ rằng họ hành xử với sự thành tựu của tuệ trong khi bẻ đôi các tà kiến. Sau khi chuẩn bị các câu hỏi, họ đi đến gặp đức Như Lai rồi hỏi các điều bí mật và đã được che giấu. Được đức Thế Tôn giảng giải và trả lời, các câu hỏi ấy trở nên rõ ràng. Những người ấy đều quy thuận với đức Thế Tôn. Khi ấy, chính đức Thế Tôn, trong trường hợp ấy, chói sáng rực rỡ; điều ấy là nhờ vào tuệ. Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với tuệ nhân nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với **Phật nhãn** nghĩa là thế nào? Đức Thế Tôn, trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian, đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác. Cũng giống như ở hồ sen xanh hoặc ở hồ sen hồng hoặc ở hồ sen trắng, có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, không vươn ra khỏi nước, và được nuôi dưỡng chìm ở bên trong [nước]; có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, sống ngang bằng mặt nước; và có một số sen xanh, hoặc sen hồng, hoặc sen trắng được sanh ra ở trong nước, được phát triển ở trong nước, vươn lên khỏi nước, và tồn tại không bị vấy bẩn bởi nước; tương tự như vậy, đức Thế Tôn trong khi dùng Phật nhãn quán xét thế gian đã nhìn thấy các chúng sanh có tầm nhìn bị vấy bụi ít và có tầm nhìn bị vấy bụi nhiều, có giác quan sắc sảo và có giác quan cùn lụt, có tánh khí tốt và có tánh khí tồi, có thể hiểu được một cách nhanh chóng và có thể hiểu được một cách khó khăn, [đã nhìn thấy] một số chúng sanh đang sống có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác, một số chúng sanh đang sống không có sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong tội lỗi và [sự tái sanh vào] những đời sống khác.

Đức Thế Tôn biết rằng: “Người này có tánh luyến ái, người này có tánh sân, người này có tánh si, người này có tánh tâm, người này có tánh tín, người này có tánh giác.” Đối với người có tánh luyến ái, đức Thế Tôn thuyết bài giảng về

đề mục tử thi. Đối với người có tánh sân, đức Thế Tôn chỉ dạy sự tu tập về tâm từ. Đối với người có tánh si, đức Thế Tôn dạy bảo việc đọc tụng, việc vấn hỏi, việc lắng nghe giáo pháp lúc hợp thời, việc bàn luận giáo pháp lúc hợp thời, việc cộng trú với vị thầy. Đối với người có tánh tâm, đức Thế Tôn chỉ dạy về niệm hơi thở vào hơi thở ra. Đối với người có tánh tín, đức Thế Tôn chỉ dạy về biểu hiện đem lại sự thành tín: Sự giác ngộ tốt đẹp của đức Phật, tính chất tốt đẹp của giáo pháp, sự hành trì tốt đẹp của chúng Tăng và các giới của bản thân. Đối với người có tánh giác, đức Thế Tôn chỉ dạy về ấn chứng của pháp minh sát: Biểu hiện của vô thường, biểu hiện của khổ, biểu hiện của vô ngã.

1. *“Giống như người đứng ở đỉnh của ngọn núi đá, cũng giống như người có thể nhìn thấy dân chúng ở xung quanh, tương tự như thế ấy, bạch đấng Khôn Ngoan, bạch đấng Toàn Nhân, sau khi bước lên tòa lâu đài làm bằng giáo pháp, xin bậc đã xa lìa sầu muộn hãy quan sát chúng sanh bị rơi vào sầu muộn, bị ngự trị bởi sanh và già.”*

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với Phật nhãn nghĩa là như vậy.

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là thế nào? Toàn nhãn nói đến trí toàn giác. Đức Thế Tôn đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu với trí toàn giác.

2. *“Đối với Ngài, không có bất cứ điều gì ở nơi đây là không được nhìn thấy, không được nhận thức, hoặc không thể biết được. Điều nào có thể biết được, Ngài đã biết rõ tất cả; vì thế đức Như Lai là bậc Toàn Nhân.”*

Đức Thế Tôn có mắt được mở ra với toàn nhãn nghĩa là như vậy.

“Bậc có mắt được mở ra đã nói về” là như thế.

Pháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm họa.

Pháp thực chứng: Pháp không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm, đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét. “Pháp thực chứng” là như thế.

Có sự loại trừ các hiểm họa.

Các hiểm họa: Có hai loại hiểm họa: Hiểm họa hiển hiện và hiểm họa khuất lấp.

Các điều nào là hiểm họa hiển hiện? Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự, bệnh ở mắt, bệnh ở tai trong, bệnh ở mũi, bệnh ở lưỡi, bệnh ở thân, bệnh ở đầu, bệnh ở lỗ tai, bệnh ở miệng, bệnh ở răng, ho, suyễn, sổ mũi, nhiệt, cảm sốt, đau bụng, xây xẩm, kiết lỵ, đau bụng bão, dịch tả, phong cùi, khối u, bệnh chàm, lao phổi, động kinh, mụn, nhọt, ghẻ ngứa, sảy, loét tay chân, máu và mạt, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ghẻ lở, loét hậu môn, bệnh phát khởi từ mật, bệnh phát khởi

từ đàm, bệnh phát khởi từ gió, bệnh tổng hợp do mật-đàm-gió, bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, bệnh thuộc dạng cấp tính, bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát, hoặc là như thế; các điều này được gọi là hiểm họa hiển hiện.

Các điều nào là hiểm họa khuất lấp? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý, pháp che lấp “mong muốn về dục”, pháp che lấp “sân hận”, pháp che lấp “đã đuối buồn ngủ”, pháp che lấp “phóng dật và hối hận”, pháp che lấp “hoài nghi”, sự luyến ái, sân hận, si mê, giận dữ, thù hằn, gièm pha, ác ý, ganh tỵ, bòn xén, xảo trá, lừa gạt, bướng bỉnh, hung hăng, ngã mạn, cao ngạo, đam mê, xao lãng, tất cả ô nhiễm, tất cả uế hạnh, mọi sự lo lắng, mọi sự bức bối, mọi sự nóng nảy, tất cả các pháp tạo tác bất thiện; các điều này được gọi là hiểm họa khuất lấp.

Các hiểm họa: Các hiểm họa với ý nghĩa gì? Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế”, các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm”, các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú.”

Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế” nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy không chế, áp chế, ngự trị, đè bẹp, trấn áp, chà đạp cá nhân ấy. Các hiểm họa bởi vì “chúng áp chế” nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm” nghĩa là thế nào? Các hiểm họa ấy đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp. Đối với các thiện pháp nào? Đối với sự thực hành đúng đắn, đối với sự thực hành phù hợp, đối với sự thực hành không trái ngược, đối với sự thực hành đưa đến lợi ích, đối với sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, đối với việc làm đầy đủ các giới, đối với việc phòng vệ các giác quan, đối với việc biết chừng mực về vật thực, đối với sự luyện tập về tinh thức, đối với niệm và sự nhận biết rõ, đối với sự chuyên cần tu tập về bốn sự thiết lập niệm, đối với sự chuyên cần tu tập về bốn chánh cần,... về bốn nền tảng của thân thông,... về năm quyền,... về năm lực,... về bảy yếu tố đưa đến giác ngộ,... về đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, chúng đưa đến sự nguy hiểm, đến sự suy giảm đối với các thiện pháp này. Các hiểm họa bởi vì “chúng đưa đến sự suy giảm” nghĩa là như vậy.

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” nghĩa là thế nào? Các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Giống như các sinh vật “có hang là chỗ trú” thì ngụ ở hang, các sinh vật có “nước là chỗ trú” thì ngụ ở nước, các sinh vật “có rừng là chỗ trú” thì ngụ ở rừng, các sinh vật “có cây cối là chỗ trú” thì ngụ ở cây cối; tương tự như vậy, các ác bất thiện pháp này sanh lên ở nơi ấy thì có bản ngã [của người ấy] là nơi nương tựa. Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Này các Tỳ-khuru, vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái. Và này các Tỳ-khuru, thế nào là vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy

dạy học, sống khổ sở không thoải mái? Đây các Tỳ-khuru, ở đây, đối với vị Tỳ-khuru, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngụ bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là ‘có học trò’. Chúng chi phối vị ấy, ‘các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy’; vì thế, được gọi là ‘có thầy dạy học’. Và thêm nữa, đây các Tỳ-khuru, đối với vị Tỳ-khuru, sau khi nghe âm thanh bằng tai,... sau khi ngửi hương bằng mũi,... sau khi nếm vị bằng lưỡi,... sau khi xúc chạm bằng thân,... sau khi nhận thức pháp bằng ý, các ác bất thiện pháp nào có sự di chuyển [ở các đối tượng] và có sự tư duy đưa đến sự ràng buộc sanh khởi đến vị ấy, các ác bất thiện pháp ấy trú ngụ, chiếm ngụ bên trong vị ấy; vì thế, được gọi là ‘có học trò’. Chúng chi phối vị ấy, ‘các ác bất thiện pháp chi phối vị ấy’; vì thế, được gọi là ‘có thầy dạy học’. Đây các Tỳ-khuru, quả là như vậy, vị Tỳ-khuru có học trò, có thầy dạy học, sống khổ sở không thoải mái.” Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Đây các Tỳ-khuru, có ba pháp này là các vết nhơ bên trong, các kẻ thù bên trong, các đối thủ bên trong, các kẻ giết chóc bên trong, các kẻ đối nghịch bên trong. Ba pháp nào? Đây các Tỳ-khuru, tham là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong. Đây các Tỳ-khuru, sân... (nt)... Đây các Tỳ-khuru, si là vết nhơ bên trong, kẻ thù bên trong, đối thủ bên trong, kẻ giết chóc bên trong, kẻ đối nghịch bên trong.”

3. *“Tham là sự sanh ra điều không lợi ích, tham là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.”*

4. *“Người bị khởi tham không biết được điều lợi ích, người bị khởi tham không nhìn thấy lý lẽ. Tham không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.”*

5. *“Sân là sự sanh ra điều không lợi ích, sân là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.”*

6. *“Người bị nóng giận không biết được điều lợi ích, người bị nóng giận không nhìn thấy lý lẽ. Sự nóng giận không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.”*

7. *“Si là sự sanh ra điều không lợi ích, si là sự rối loạn của tâm. Người đời không thấu hiểu sự nguy hiểm ấy đã được sanh ra từ bên trong.”*

8. *“Người bị si mê không biết được điều lợi ích, người bị si mê không nhìn thấy lý lẽ. Si không chế người nào, lúc ấy có sự mù quáng tối tăm hiện diện.”*

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

“Tâu Đại vương, quả thật có ba pháp này được sanh lên thuộc nội phân; chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho

con người. Ba pháp nào? Tham, tâm Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Sân, tâm Đại vương, quả thật... (nt)... Si, tâm Đại vương, quả thật là pháp được sanh lên thuộc nội phần; nó sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người. Tâm Đại vương, quả thật ba pháp này được sanh lên thuộc nội phần, chúng sanh lên đem đến sự bất lợi, sự khổ đau, sự sống không thoải mái cho con người.”

9. *“Tham, sân và si hiện hữu ở bản thân, hãm hại người có tâm ý xấu xa, tựa như việc kết trái hãm hại cây tre.”*

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến:

10. *“Luyến ái, sân hận và si mê có căn nguyên từ nơi [bản ngã] này. Ghét, thương, sự rón lông sanh lên từ nơi [bản ngã] này. Sự suy tư của tâm có nguồn sanh khởi từ nơi [bản ngã] này, tựa như những bé trai buông lời con qua [bị cột chân bởi sợi chỉ dài].”*

Các hiểm họa bởi vì “nơi ấy là chỗ trú” còn là như vậy.

Có sự loại trừ các hiểm họa: Sự loại trừ các hiểm họa là sự dứt bỏ các hiểm họa, sự vắng lặng các hiểm họa, sự buông bỏ các hiểm họa, sự tịch tịnh các hiểm họa, bất tử, Niết-bàn.

“Pháp thực chứng có sự loại trừ các hiểm họa” là như thế.

Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành.

Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành: Xin Ngài hãy nói, hãy nêu ra, hãy chỉ bảo, hãy thông báo, hãy ấn định, hãy khai mở, hãy chia sẻ, hãy làm rõ, hãy bày tỏ về sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thần thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và đường lối thực hành đưa đến Niết-bàn. “Xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành” là như thế.

Thưa Ngài Đại đức: Vị [Phật] đã được hóa hiện ấy xưng hô với đức Phật Thế Tôn. Hoặc là pháp nào mà Ngài đã nêu ra, đã chỉ bảo, đã thông báo, đã ấn định, đã khai mở, đã chia sẻ, đã làm rõ, đã bày tỏ, mọi điều ấy là tốt đẹp, tốt lành, thiện, không bị chê trách, nên được thực hành.

“Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành” là như thế.

Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa.

Về giới giải thoát: Giới là nền tảng, phần khởi đầu, sự thực hành, sự ngăn giữ, sự thu thúc, sự mở đầu, sự dẫn đầu nhằm chứng đạt các thiện pháp.

Và luôn cả về định nữa: Là sự ổn định, sự đứng vững, sự kiên định, sự không rối loạn, sự không tán loạn, trạng thái tâm ý không bị phân tán, sự vắng lặng, định quyền, định lực, chánh định của tâm.

“Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa” là như thế.

Vì thế, vị [Phật] do thần thông biến hóa ra đã hỏi rằng:

“Bậc có mắt được mở ra đã nói về

Pháp thực chứng, có sự loại trừ các hiểm họa.

Thưa Ngài Đại đức, xin Ngài hãy nói về đường lối thực hành,

Về giới giải thoát và luôn cả về định nữa.”

14.8. Không nên buông thả với đôi mắt,

Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm,

Không nên thêm muốn ở các vị nếm,

Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian.

Không nên buông thả với đôi mắt: Buông thả con mắt là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó buông thả con mắt, có trạng thái buông thả ở mắt [nghĩ rằng]: “Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy”, rồi từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; buông thả con mắt là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi không thu thúc: Vị ấy vừa đi vừa nhìn voi, nhìn ngựa, nhìn xe, nhìn người đi bộ, nhìn các phụ nữ, nhìn các nam nhân, nhìn các cậu trai, nhìn các cô gái, nhìn các cửa tiệm, nhìn mặt tiền của các căn nhà, nhìn lên, nhìn xuống, nhìn xem hướng chính hướng phụ; buông thả con mắt còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, có sự nắm giữ hình tượng, có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhãn quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập, vị ấy không thực hành sự thu thúc đối với nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn quyền, không tiến hành sự thu thúc ở nhãn quyền; buông thả con mắt còn là như vậy.

Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vậy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện, vỗ tay theo nhịp, đánh chiêng, đánh trống, biểu diễn thời trang, trò chơi với banh sắt, trò tung hứng tre, lễ bốc mộ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò mộng, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cú, đấu gậy, đánh bốc, đấu vật, tập trận, dàn quân, đóng quân, xem sự điều quân, hoặc là như thế; buông thả con mắt còn là như vậy.

Không buông thả con mắt là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khưu nào đó không buông thả con mắt, không có trạng thái buông thả ở mắt [không nghĩ rằng]: “Nên thấy điều chưa thấy, nên bỏ qua điều đã thấy”, rồi không từ tu viện này đến tu viện khác, không từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, không từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, không từ thị trấn này đến thị trấn khác, không từ thành phố này đến thành phố khác, không từ quốc độ này đến quốc độ khác, không từ xứ sở này đến xứ sở khác, không đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định để nhìn ngắm cảnh sắc; không buông thả con mắt là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, khi đã vào đến xóm nhà, khi đi dọc theo con đường thì đi thu thúc: Vị ấy đi mà không nhìn voi, không nhìn ngựa, không nhìn xe, không nhìn người đi bộ, không nhìn các phụ nữ, không nhìn các nam nhân, không nhìn các cậu trai, không nhìn các cô gái, không nhìn các cửa tiệm, không nhìn mặt tiền của các căn nhà, không nhìn lên, không nhìn xuống, không nhìn xem hướng chính hướng phụ; không buông thả con mắt còn là như vậy.

Hoặc là, vị Tỳ-khưu, sau khi nhìn thấy cảnh sắc bằng mắt, không có sự nắm giữ hình tướng, không có sự nắm giữ chi tiết. Do nguyên nhân nào mà vị ấy, trong khi sống, có nhân quyền không được thu thúc, khiến các sự tham đắm, ưu phiền, các ác bất thiện pháp có thể xâm nhập. Vị ấy thực hành sự thu thúc đối với việc ấy, hộ trì nhân quyền, tiến hành sự thu thúc ở nhân quyền; không buông thả con mắt còn là như vậy. Hoặc hơn nữa, giống như một số Tôn giả Sa-môn và Bà-la-môn, sau khi thọ thực các bữa ăn được bố thí do đức tin, các vị ấy lại sống, đeo đuổi việc xem trình diễn có hình thức như vậy: Tức là múa, hát, đờn, vũ hội, nghe kể chuyện,... (nt)... xem sự điều quân, hoặc là như thế. Vị ấy tránh xa việc xem trình diễn có hình thức như thế ấy; không buông thả con mắt còn là như vậy.

Không nên buông thả với đôi mắt: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở mắt. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với trạng thái buông thả ở mắt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên buông thả với đôi mắt” là như thế.

Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm: Chuyện làng xóm nói đến ba mươi hai việc nói chuyện phù phiếm, như là: Câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về trộm cướp, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về thức ăn, câu chuyện về thức uống, câu chuyện về vải vóc, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về thân quyền, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về phố phường, câu chuyện về quốc độ, câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện về đường xá, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại nói về hiện

trạng của thế giới, nói về hiện trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu, hoặc là như thế.

Nên che đậy lỗi tai đối với chuyện làng xóm: Nên che đậy lỗi tai đối với chuyện làng xóm, nên không chế, nên ngăn chặn, nên bảo vệ, nên gìn giữ, nên đóng lại, nên cắt đứt.

“Nên che đậy lỗi tai đối với chuyện làng xóm” là như thế.

Không nên thèm muốn ở các vị nếm.

Vị nếm: Vị của rễ củ, vị của thân cây, vị của vỏ cây, vị của lá cây, vị của hoa, vị của trái, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, nhạt, gắt, chát, dễ chịu, khó chịu, lạnh, nóng. Có một số Sa-môn và Bà-la-môn thèm khát vị nếm, họ lang thang đó đây tầm cầu các vị nếm tuyệt vời bằng đầu lưỡi. Có được vị chua, họ tầm cầu vị không chua; có được vị không chua, họ tầm cầu vị chua. ... (nt)... có được vị lạnh, họ tầm cầu vị nóng; có được vị nóng, họ tầm cầu vị lạnh. Khi có được vị nếm nào thì họ lại không vừa lòng với vị nếm ấy và tiếp tục tầm cầu, họ bị luyến ái ở các vị nếm hợp ý, bị thèm khát, bị buộc trói, bị mê mẩn, bị gằn gủi, bị máng vào, bị vướng vào, bị giữ lại. Đối với vị nào, tham ái này ở vị nếm đã được dứt bỏ, đã được trừ tuyệt,... (nt)... đã được thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ, vị ấy suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: “Không vì vui đùa,... (nt)... sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái.”

Giống như người bôi thuốc ở vết thương chỉ nhắm đến mục đích làm cho lành lặn, hoặc giống như người nhỏ dầu ở trục xe chỉ nhắm đến mục đích chuyên chở khỏi hàng, hoặc giống như người thọ dụng thức ăn là thịt của đứa con trai chỉ nhắm đến mục đích thoát khỏi bãi sa mạc, tương tự y như thế, vị Tỳ-khưu suy xét đúng đắn rồi mới thọ dụng vật thực: “Không vì vui đùa,... (nt)... sự không lầm lỗi, và sự sống được thoải mái.” Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu tham ái ở vị nếm. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với tham ái ở vị nếm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên thèm muốn ở các vị nếm” là như thế.

Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian.

Trạng thái chấp là của ta: Có hai trạng thái chấp là của ta: Trạng thái chấp là của ta do tham ái và trạng thái chấp là của ta do tà kiến. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tham ái. ... (nt)... điều này là trạng thái chấp là của ta do tà kiến. Sau khi dứt bỏ trạng thái chấp là của ta do tham ái, sau khi buông bỏ trạng thái chấp là của ta do tà kiến, không nên chấp mắt là của ta, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt; không nên chấp tai, mũi, lưỡi, thân, các sắc, các thính, các hương, các vị, các xúc, gia tộc, đồ chúng, chỗ ngụ, lợi lộc, danh vọng, lời khen, hạnh phúc, y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh, dục giới, sắc giới, vô sắc giới, cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, cõi hữu tướng, cõi vô tướng, cõi phi tướng phi phi tướng, cõi

một uân, cỡi bốn uân, cỡi năm uân, quá khứ, vị lai, hiện tại, các pháp đã được thấy, đã được nghe, đã được cảm giác, đã được nhận thức là của ta, không nên nắm lấy, không nên bám víu, không nên chấp chặt.

Bất cứ cái gì: Bất cứ cái gì liên quan đến sắc, liên quan đến thọ, liên quan đến tưởng, liên quan đến hành, liên quan đến thức.

Ở thế gian: Ở thế gian của khổ cảnh,... (nt)... ở thế gian của các xứ.

“Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Không nên buông thả với đôi mắt,
Nên che đậy lỗ tai đối với chuyện làng xóm,
Không nên thêm muốn ở các vị nệm,
Và không nên chấp là của ta về bất cứ thứ gì ở thế gian.”*

14.9. Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh],

*Vị Tỳ-khuru không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì,
Không nên tham đắm sự hiện hữu,
Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm.*

Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh].

Xúc: Xúc do bệnh. [Vị Tỳ-khuru] có thể bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh; có thể bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở mắt; bị xúc chạm, bị chế ngự, bị xâm nhập, bị sở hữu bởi xúc do bệnh ở tai trong, do bệnh ở mũi, do bệnh ở lưỡi, do bệnh ở thân, do bệnh ở đầu, do bệnh ở lỗ tai, do bệnh ở miệng, do bệnh ở răng, do ho, do suyễn, do sổ mũi, do nhiệt, do cảm sốt, do đau bụng, do xây xẩm, do kiết lỵ, do đau bụng bão, do dịch tả, do phong cùi, do khối u, do bệnh chàm, do lao phổi, do động kinh, do mụn, do nhọt, do ghẻ ngứa, do sảy, do loét tay chân, do máu, do mật, do bệnh tiểu đường, do bệnh trĩ, do ghẻ lở, do loét hậu môn, do bệnh phát khởi từ mật, do bệnh phát khởi từ đàm, do bệnh phát khởi từ gió, do bệnh tổng hợp từ mật-dàm-gió, do bệnh sanh lên vì thay đổi thời tiết, do bệnh sanh lên vì bốn oai nghi không đồng đều, do bệnh thuộc dạng cấp tính, do bệnh sanh lên vì quả của nghiệp, do lạnh, do nóng, do đói, do khát, do đại tiện, do tiểu tiện, bởi các xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, nắng và các loài bò sát.

“Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh]” là như thế.

Vị Tỳ-khuru không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự than vãn, sự than trách, sự than thở, sự than vãn, trạng thái than vãn, trạng thái than trách, lời nói, nói lầm nhảm, nói huyền thuyên, nói kẻ lẽ, lời nói kẻ lẽ, trạng thái nói kẻ lẽ.

Bất cứ điều gì: Là ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

“Vị Tỳ-khuru không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì” là như thế.

Không nên tham đắm sự hiện hữu: Không nên tham muốn dục hữu, không nên tham muốn sắc hữu, không nên tham muốn vô sắc hữu, không nên khởi tham muốn, không nên tham đắm.

“Không nên tham đắm sự hiện hữu” là như thế.

Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm.

Sự khiếp đảm: Sự sợ hãi và sự khiếp đảm cũng y như nhau, với cùng một biểu hiện. Bởi vì, điều này đã được đức Thế Tôn đề cập đến: “Phải chăng là điều này, là sự sợ hãi và khiếp đảm ấy đang đến?” Đối tượng bên ngoài đã được nói đến là: Các con sư tử, hổ, báo, gấu, chó rừng, chó sói, trâu rừng, ngựa, voi, rắn, bò cạp, rết, hoặc có thể là các kẻ cướp, hay những kẻ tàn bạo có hành động gây sự hoặc chưa có hành động gây sự. Theo một kiểu cách khác, sự sợ hãi được nói đến là sự sợ hãi, trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rờn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ có nguồn sanh khởi ở tâm, thuộc nội phần: Sợ hãi sự sanh, sợ hãi sự già, sợ hãi sự bệnh, sợ hãi sự chết, sợ hãi vua chúa, sợ hãi kẻ trộm, sợ hãi lửa, sợ hãi nước, sợ hãi sự chỉ trích của bản thân, sợ hãi sự chỉ trích của người khác, sợ hãi hình phạt, sợ hãi khổ cảnh, sợ hãi sóng nước, sợ hãi cá sấu, sợ hãi xoáy nước, sợ hãi cá dữ, sợ hãi về sinh kế, sợ hãi sự quở trách, sợ hãi do sự nhút nhát ở tập thể, sợ hãi do sự say sưa, sợ hãi do khổ cảnh; trạng thái sợ hãi, trạng thái kinh hãi, sự rờn lông, sự hốt hoảng, sự khiếp sợ của tâm.

Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm: Sau khi nhìn thấy, hoặc sau khi nghe nhiều điều khiếp đảm, thì không nên run rẩy, không nên chấn động, không nên rung động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳ-khuru] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rờn lông đã được xa lìa.

“Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Khi nào bị xúc chạm bởi xúc [bất hạnh],
Vị Tỳ-khuru không nên thể hiện sự than vãn về bất cứ điều gì,
Không nên tham đắm sự hiện hữu,
Và không nên rung động vì các sự khiếp đảm.”*

14.10. Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, Đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc,

*Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ,
Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng.*

Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc.

Đối với các thức ăn: Là cơm, cháo chua, bánh bột, cá, thịt.

Đối với các thức uống: Có tám loại thức uống: Nước xoài, nước mận, nước chuối hột, nước chuối không hột, nước mật ong, nước nho, nước ngó sen, nước dâu. Còn có tám loại thức uống khác nữa: Nước trái kosamba, nước táo ta, nước táo, nước bơ lỏng, nước dầu ăn, nước sữa, nước cháo, nước rau cải.

Đối với các vật thực nhai: Bột là vật thực nhai, bánh là vật thực nhai, rễ cây là vật thực nhai, vỏ cây là vật thực nhai, lá cây là vật thực nhai, bông hoa là vật thực nhai, trái cây là vật thực nhai.

Đối với các loại vải vóc: Có sáu loại y: Loại bằng sợi lanh, loại bằng bông vải, loại bằng tơ lụa, loại bằng sợi len, loại bằng gai thô, loại bằng chỉ bò.

“Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống, đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc” là như thế.

Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ.

Sau khi nhận được: Sau khi nhận được là sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận không do gặt gẫm, không do tán phết, không do gợi ý, không do lừa bịp, không do việc thêm muốn lợi lộc bằng lợi lộc, không do việc cho củi [gỗ], không do việc cho tre, không do việc cho lá, không do việc cho bông hoa, không do việc cho trái cây, không do việc cho cây cọ rửa, không do việc cho bột tắm, không do việc cho đất sét, không do việc cho gỗ chà răng, không do việc cho nước súc miệng, không do việc nịnh hót, không do việc tăng bốc, không do việc chiêu chuộng, không do việc nói lên sau lưng, không nhờ vào khoa địa lý, không nhờ vào kiến thức thế tục, không nhờ vào khoa bói tướng, không nhờ vào khoa chiêm tinh, không do việc đi làm sứ giả, không do việc đi theo sự sai bảo, không do việc chuyển tin bằng đôi chân, không do công việc thầy thuốc, không do công việc xây dựng, không do thức ăn đối thức ăn, không do phát sanh bởi quà cáp; sau khi nhận được, sau khi đạt được, sau khi đạt đến, sau khi tìm thấy, sau khi tiếp nhận đúng theo pháp, một cách ngay thẳng. “Sau khi nhận được” là như thế.

Không nên tạo ra sự cất giữ: Không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự cất giữ thức ăn, sự cất giữ thức uống, sự cất giữ vải vóc, sự cất giữ xe thuyền, sự cất giữ chỗ nằm, sự cất giữ vật thơm, sự cất giữ tài vật.

“Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ” là như thế.

Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng [nghĩ rằng:] “Tôi không đạt được thức ăn, tôi không đạt được thức uống, tôi không đạt được vải vóc, tôi không đạt được gia đình, tôi không đạt được đồ chúng, tôi không đạt được chỗ ngụ, tôi không đạt được lợi lộc, tôi không đạt được danh vọng, tôi không đạt được sự khen ngợi, tôi không đạt được hạnh phúc, tôi không đạt được y phục, tôi không đạt được vật thực, tôi không đạt được chỗ ở, tôi không đạt được vật dụng là thuốc men chữa bệnh, hoặc tôi không đạt được người chăm sóc bệnh, tôi không được biết đến” thì không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ, nên có

tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, [vị Tỳ-khuru] nên sống, có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa.

“Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Đối với các thức ăn, rồi đối với các thức uống,
Đối với các vật thực nhai, rồi đối với các loại vải vóc,
Sau khi nhận được, không nên tạo ra sự cất giữ,
Và không nên hoảng sợ trong khi không nhận được chúng.”*

**14.11. Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây],
Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng,
Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm,
Ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khuru nên cư trú.**

Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây].

Có thiền chứng: Là có thiền chứng với sơ thiền, có thiền chứng với nhị thiền, có thiền chứng với tam thiền, có thiền chứng với tứ thiền, có thiền chứng với thiền có tầm có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm chỉ có tứ, có thiền chứng với thiền không có tầm không có tứ, có thiền chứng với thiền có hỷ, có thiền chứng với thiền không có hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với hỷ, có thiền chứng với thiền đồng hành với khoái lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với lạc, có thiền chứng với thiền đồng hành với xả, có thiền chứng với thiền không tánh, có thiền chứng với thiền vô tướng, có thiền chứng với thiền vô nguyện, có thiền chứng với thiền hợp thể, có thiền chứng với thiền xuất thể, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình. “Có thiền chứng” là như thế.

Không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]: Buông thả bàn chân là thế nào? Ở đây, một vị Tỳ-khuru nào đó buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, từ tu viện này đến tu viện khác, từ vườn hoa này đến vườn hoa khác, từ ngôi làng này đến ngôi làng khác, từ thị trấn này đến thị trấn khác, từ thành phố này đến thành phố khác, từ quốc độ này đến quốc độ khác, từ xứ sở này đến xứ sở khác, vị ấy sống, đeo đuổi cuộc du hành lâu dài, cuộc du hành bất định; buông thả bàn chân là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khuru, thậm chí ở bên trong tu viện của hội chúng, cũng buông thả bàn chân, có trạng thái buông thả ở bàn chân, không phải vì sự lợi ích là nguyên nhân, không phải vì công việc là nguyên nhân, bị phóng túng, có tâm không được vắng lặng, rồi từ gian phòng này đi đến gian phòng khác, từ trú xá này đi đến trú xá khác, từ nhà một mái này đi đến nhà một mái khác, từ tòa lầu đài này đi đến tòa lầu đài khác, từ tòa nhà dài này đi đến tòa nhà dài khác, từ hang động này đi đến hang động khác, từ thạch thất này đến thạch thất khác, từ cốc liêu này đi đến cốc liêu khác, từ nhà mái nhọn này đi đến nhà mái nhọn khác, từ chòi canh này đi đến chòi canh

khác, từ ngôi nhà tròn này đi đến ngôi nhà tròn khác, từ căn lều này đi đến căn lều khác, từ nhà kho này đến nhà kho khác, từ hội trường này đi đến hội trường khác, từ mái che này đi đến mái che khác, từ gốc cây này đi đến gốc cây khác. Hoặc nữa, các vị Tỳ-khưu ngồi nơi nào thì [vị ấy] đi đến nơi ấy, tại đó trở thành người thứ hai của một vị, trở thành người thứ ba của hai vị, trở thành người thứ tư của ba vị, tại đó nói huyền thuyên, việc nói nhằm nhĩ như là: Chuyện về vua chúa, chuyện về trộm cướp, chuyện về đại thần, chuyện về binh lính, chuyện hải hùng, chuyện về chiến tranh, chuyện về thức ăn, chuyện về thức uống, chuyện về vải vóc, chuyện về xe cộ, chuyện về giường nằm, chuyện về vòng hoa, chuyện về hương liệu, chuyện về thân quyến, chuyện về làng xóm, chuyện về thị tứ, chuyện về thành phố, chuyện về quốc độ, chuyện về đàn bà, chuyện về đàn ông, chuyện về vị anh hùng, chuyện về đường xá, chuyện tại chỗ lấy nước, chuyện về người đã chết, các chuyện tạp thoại nói về hiện trạng của thế giới, nói về hiện trạng của đại dương, chuyện về sự hiện hữu và không hiện hữu là như vậy, hoặc là như thế; buông thả bàn chân còn là như vậy.

Không nên buông thả bàn chân: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái buông thả ở bàn chân. Nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc buông thả bàn chân, nên trú ngụ, nên thực hành, nên cư xử, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. Nên có sự thích thú trong việc thiền tịnh, được thích thú trong việc thiền tịnh, gắn bó với sự vắng lặng của tâm thuộc nội phần, có thiền không bị xa rời, thành tựu minh sát, là người gia tăng việc ngụ ở các ngôi nhà trống vắng, chứng thiền, thích thú với thiền, gắn bó với trạng thái đơn độc, chú trọng mục đích của mình.

“Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây]” là như thế.

Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng.

Hối hận: Về bối rối ở bàn tay cũng là hối hận, về bối rối ở bàn chân cũng là hối hận, về bối rối ở bàn tay và bàn chân cũng là hối hận, lầm tưởng là được phép trong việc không được phép, lầm tưởng là không được phép trong việc được phép, lầm tưởng là có tội ở việc vô tội, lầm tưởng là vô tội ở việc có tội. Việc nào có hình thức là sự hối hận, biểu hiện hối hận, trạng thái hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý, việc này gọi là hối hận.

Thêm nữa, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do hai nguyên nhân: Do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm. Thế nào là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái không làm? [Nghĩ rằng:] “Ta đã làm uế hạnh về thân, ta đã không làm thiện hạnh về thân”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; “ta đã làm uế hạnh về khẩu, ta đã không làm thiện hạnh về khẩu”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; “ta đã làm uế hạnh về ý, ta

đã không làm thiện hạnh về ý”,... (nt)... “ta đã giết hại sinh mạng, ta đã không tránh xa sự giết hại sinh mạng”, sự hối hận,... (nt)... sự bối rối của ý sanh lên; “ta đã trộm cắp,... “ta đã tà hạnh trong các dục,... “ta đã nói dối,... “ta đã nói đâm thọc,... “ta đã nói thô lỗ,... “ta đã nói nhảm nhí,... “ta đã hành động tham đắm,... “ta đã hành động sân hận,... “ta đã thực hành tà kiến, ta đã không thực hành chánh kiến”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên. Như vậy là sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên do trạng thái đã làm và do trạng thái đã không làm.

Hoặc là, [nghĩ rằng:] “Ta không phải là người thực hành đầy đủ các giới”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên; “ta là người có các giác quan không được gìn giữ”,... “ta là người không biết chừng mực về vật thực”,... “ta không luyện tập về tỉnh thức”,... “ta không đầy đủ niệm và sự nhận biết rõ”,... “bốn sự thiết lập niệm chưa được ta tu tập”,... “bốn chánh căn chưa được ta tu tập”,... “bốn nền tảng của thần thông chưa được ta tu tập”,... “năm quyền chưa được ta tu tập”,... “năm lực chưa được ta tu tập”,... “bảy yếu tố đưa đến giác ngộ chưa được ta tu tập”,... “đạo lộ Thánh thiện tám chi phần chưa được ta tu tập”,... “khổ chưa được ta biết toàn diện”,... “tập chưa được ta dứt bỏ”,... “đạo chưa được ta tu tập”,... “diệt chưa được ta chứng ngộ”, sự hối hận, sự ăn năn của tâm, sự bối rối của ý sanh lên.

Nên xa lánh trạng thái hối hận: Nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa trạng thái hối hận; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu trạng thái hối hận; nên tránh khỏi, nên xa lánh, nên tránh xa, nên đi ra ngoài, nên rời ra, nên thoát khỏi, không bị ràng buộc với trạng thái hối hận, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn. “Nên xa lánh trạng thái hối hận” là như thế.

Không nên xao lãng: Nên là người có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bốn phần trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Khi nào ta có thể làm đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, hoặc có thể bảo vệ giới uẩn đã được đầy đủ tại chỗ kia tại chỗ nọ bằng trí tuệ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự đồng mãnh, sự không thoái chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Khi nào ta có thể làm đầy đủ định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ?... (nt)... “Khi nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự đồng mãnh, sự không thoái chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

“Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng” là như thế.

Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm, ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú.

Và: Là sự nối liền các câu văn,... (nt)...

Chỗ ngồi: Nói đến nơi nào vị ấy ngồi xuống, là cái giường, cái ghế, nệm, thảm đan, tấm da thú, thảm cỏ, thảm lá, thảm rơm.

Chỗ nằm: Nói đến chỗ ngụ: Trú xá, nhà một mái, tòa lâu đài, tòa nhà dài, hang động. “Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm” là như thế.

Ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú: Nên thực hành, nên cư xử, nên trú ngụ, nên sinh hoạt, nên vận hành, nên bảo hộ, nên hộ trì, nên bảo dưỡng ở các chỗ trú ngụ xa vắng có ít âm thanh, ít tiếng ồn, có bầu không gian vắng vẻ, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh.

“Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm, ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Nên là vị có thiền chứng, không nên buông thả bàn chân [đi đó đây],
Nên xa lánh trạng thái hối hận, không nên xao lãng,
Và ở những chỗ ngồi, ở những chỗ nằm,
Ở những nơi có ít tiếng động, vị Tỳ-khưu nên cư trú.”*

14.12. Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm.

Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ: Sau khi phân chia đêm và ngày thành sáu phần, nên thức năm phần, nên nằm xuống một phần.

“Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ” là như thế.

Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm: Ở đây, vị Tỳ-khưu, vào ban ngày làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh đầu làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi; vào ban đêm trong canh giữa áp dụng thể nằm của sư tử bằng sườn bên phải, đặt bàn chân chồng lên bàn chân, có niệm, có sự nhận biết rõ, chú tâm đến ý tưởng của việc thức dậy; vào ban đêm trong canh cuối sau khi thức dậy, làm trong sạch tâm khỏi các pháp ngăn trở bằng việc kinh hành, bằng việc ngồi.

Nên thân cận sự tỉnh thức: Nên thân cận, nên gần gũi, nên phục vụ, nên phục dịch, nên kề cận, nên thực hiện sự tỉnh thức. “Nên thân cận sự tỉnh thức” là như thế.

Có sự nhiệt tâm: Sự nhiệt tâm nói đến sự tinh tấn, là pháp thuộc về tâm, là sự ra sức tinh tấn, sự cố gắng, sự nỗ lực, sự siêng năng, sự tinh tấn, sự gắng sức,

sự rắng sức, sự đồng mãnh, nghị lực, trạng thái không lơ lửng sự nỗ lực, trạng thái không buông bỏ sự mong muốn, trạng thái không buông bỏ trách nhiệm, sự đề cao trách nhiệm, sự tinh tấn, tấn quyền, tấn lực, chánh tinh tấn. Người đã tiến đến, đã tiến gần, đã đến gần, đã tiến vào, đã đạt đến, đã đầy đủ, đã thành tựu sự nhiệt tâm này, người ấy được gọi là có sự nhiệt tâm.

“Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm” là như thế.

Nên dứt bỏ hẳn sự uế oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm.

Sự uế oải: Sự uế oải, biểu hiện uế oải, trạng thái tâm uế oải, sự lười biếng, biểu hiện lười biếng, trạng thái lười biếng; điều này được gọi là sự uế oải.

Xảo trá: Xảo trá nói đến hành vi trá trở. Ở đây một vị [Tỳ-khuru] nào đó sau khi làm uế hạnh bằng thân, sau khi làm uế hạnh bằng lời nói, sau khi làm uế hạnh bằng ý, vì nguyên nhân che đậy việc ấy, định liệu ước muốn xấu xa: [Vị ấy] ước muốn rằng: “Chớ ai biết về tôi”, suy tư rằng: “Chớ ai biết về tôi”, nói lời rằng: “Chớ ai biết về tôi”, nỗ lực bằng thân rằng: “Chớ ai biết về tôi.” Việc xảo trá nào có hình thức như vậy là trạng thái xảo trá, sự cố tình không nhớ, sự trá trở, gian lận, thay đổi, tránh né, cất giấu, che giấu, che đậy, che lấp, không phơi bày, không làm rõ, khéo che đậy, việc làm ác; điều này được gọi là xảo trá.

Cười cợt: Ở đây một vị [Tỳ-khuru] nào đó cười quá trớn, hở cả răng. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, điều này là việc làm trẻ con trong Luật của bậc Thánh, tức là việc cười quá trớn, hở cả răng.”

Đùa giỡn: Có hai sự đùa giỡn: Đùa giỡn về thân và đùa giỡn về khẩu. Những việc nào là đùa giỡn về thân? Họ chơi đùa với các con voi, họ chơi đùa với các con ngựa, họ chơi đùa với các cỗ xe, họ chơi đùa với các cây cung, họ tiêu khiển cờ tám ô vuông, họ tiêu khiển cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tướng tượng ở trên không, họ chơi trò nhảy cóc, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh khăng, họ chơi trò đoán hình vẽ bằng tay, họ chơi trái cầu, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò kéo cày, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi chong chóng, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ chơi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ; đây là sự đùa giỡn về thân. Những việc nào là đùa giỡn về khẩu? Nhại tiếng trống bằng miệng, làm nhạc trống bằng miệng, làm tiếng trống vỗ bằng miệng, huýt sáo bằng miệng, đánh trống bằng miệng, làm tiếng trống daddarī bằng miệng, diễn kịch, reo hò, ca hát, cười giỡn; đây là sự đùa giỡn về khẩu.

Pháp đôi lứa: Nghĩa là việc làm không tốt đẹp, việc làm của các dân làng, việc làm của những người thấp kém, là xấu xa, có kết cuộc phải dùng nước tẩy rửa, là việc bí mật, là việc kết hợp của hai người, theo từng cặp. Vì lý do gì mà được gọi là pháp đôi lứa? Khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa. Giống như hai người gây nên sự cãi cọ được gọi là tay đôi, hai người gây nên sự cãi lộn, hai người gây nên cuộc nói

chuyện nhảm nhí, hai người gây nên sự tranh cãi, hai người gây nên sự tranh tụng, hai người tranh luận, hai người chuyện trò được gọi là tay đôi. Tương tự như vậy, khi cả hai bị luyến ái, bị luyến ái nặng, bị nhiễm dục, bị khởi dục, có tâm bị khuất phục, cả hai là tương tự nhau về bản thể; vì lý do ấy mà được gọi là pháp đôi lứa.

Việc trang điểm: Có hai sự trang điểm: Có sự trang điểm của người tại gia, có sự trang điểm của bậc xuất gia. Việc trang điểm của người tại gia là các việc nào? Đầu tóc, bộ râu, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, đồ trang sức, vật tô điểm, vải vóc, áo khoác, khăn đội đầu, việc kỳ cọ, việc đắp búp, việc cho người tắm rửa, vật đập vỗ, gương soi, việc tô mắt, vật tắm hoa thơm, phấn thoa ở mặt, việc bôi dầu ở mặt, vật buộc cánh tay, nơ thắt ở đầu, gậy chống, ống cây, thanh gươm, dù che, giày dép sắc sỡ, khăn bịt đầu, ngọc ma-ni, cây phát trần, [quần] các tấm vải trắng có đường biên rộng, hoặc là như thế; điều này là việc trang điểm của người tại gia. Việc trang điểm của bậc xuất gia là các việc nào? Việc trang hoàng y phục, việc trang hoàng bình bát, việc trang hoàng chỗ nằm ngồi, việc trang hoàng, trang điểm, tiêu khiển, giải trí, trạng thái mong muốn, bản tính mong muốn, hành động tô điểm, trạng thái tô điểm đối với các phần bên ngoài của cơ thể hôi thối này hoặc các vật dụng; điều này là việc trang điểm của người xuất gia.

Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm: Nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm luôn cả vật phụ tùng, luôn cả vật có liên quan, luôn cả vật dụng.

“Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên thực hiện nhiều việc ngủ nghỉ. Nên thân cận sự tỉnh thức, có sự nhiệt tâm. Nên dứt bỏ hẳn sự uể oải, xảo trá, cười cợt, đùa giỡn, việc đôi lứa, cùng với việc trang điểm.”

14.13. Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh.

Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh: Các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật ở thành phố bị bao vây hoặc ở cuộc chiến đang diễn ra, họ làm sanh lên tai họa, họ làm sanh lên bất hạnh, họ làm sanh lên bệnh tật, họ gây ra dịch sốt, họ gây ra dịch cương thi, họ gây ra bệnh dịch tả, họ gây ra bệnh kiết lỵ ở đội quân đối địch, ở những kẻ đối nghịch, ở những kẻ thù địch; các nhà bùa chú ứng dụng chú thuật là như vậy.

Những người giải mộng giải thích về giấc mơ: “Người mơ vào buổi sáng thì

kết quả là như vậy. Người mơ vào buổi trưa thì kết quả là như vậy. Người mơ vào buổi tối thì kết quả là như vậy. Người mơ vào canh đầu... Người mơ vào canh giữa... Người mơ vào canh cuối... Người mơ lúc nằm nghiêng bên phải... Người mơ lúc nằm nghiêng bên trái... Người mơ lúc nằm ngửa... Người mơ lúc nằm sấp... Người mơ thấy mặt trăng, người mơ thấy mặt trời, người mơ thấy đại dương, người mơ thấy núi chúa Sineru, người mơ thấy voi, người mơ thấy ngựa, người mơ thấy cỗ xe, người mơ thấy người lính, người mơ thấy đoàn quân, người mơ thấy khu vườn đáng yêu, người mơ thấy cánh rừng đáng yêu, người mơ thấy vùng đất đáng yêu, người mơ thấy hồ nước đáng yêu thì kết quả là như vậy”; những người giải mộng giải thích về giấc mơ là như vậy.

Những người xem tướng giải thích về tướng mạo: “Tướng của ngọc ma-ni, tướng của cây gậy, tướng của vải vóc, tướng của thanh gươm, tướng của mũi tên, tướng của cây cung, tướng của vũ khí, tướng của đàn bà, tướng của đàn ông, tướng của thiếu nữ, tướng của thiếu niên, tướng của tứ gái, tướng của tôi trai, tướng của voi, tướng của ngựa, tướng của trâu, tướng của bò mộng, tướng của bò đực, tướng của dê, tướng của cừu, tướng của gà, tướng của chim cú, tướng của kỳ đà, tướng của bông tai, tướng của rùa, tướng của nai, hoặc là như thế”; những người xem tướng giải thích về tướng mạo là như vậy.

Những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú: “Có hai mươi tám thời điểm tốt (tính theo thời điểm xuất hiện của các vì tinh tú). Nên tiến hành việc nhập gia vào thời điểm tốt này, nên gấn đồ trang sức vào thời điểm tốt này, nên làm lễ cưới vào thời điểm tốt này, nên gieo hạt giống vào thời điểm tốt này, nên đi đến sống chung vào thời điểm tốt này”; những nhà chiêm tinh giải thích về tinh tú là như vậy.

Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh: Không nên luyện tập, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên duy trì, không nên tiếp nhận, không nên ứng dụng.

“Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh” là như thế.

Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh.

Tiếng thú kêu: Nói đến tiếng kêu của loài thú. Các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú: Họ biết tiếng kêu, tiếng gọi của các loài chim hoặc của các loài bốn chân; các nhà giải đoán tiếng thú kêu giải thích về tiếng kêu của loài thú là như thế.

Việc thụ thai: Những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai. Bào thai không thành lập bởi hai lý do: Bởi các vi sinh vật hoặc bởi các sự rối loạn của gió. Họ cho thuốc để diệt trừ các vi sinh vật hoặc các sự rối loạn của gió; những người hỗ trợ việc thụ thai làm cho thành tựu bào thai là như vậy.

Việc chữa bệnh: Có năm cách chữa bệnh: Thuật châm kim, thuật mổ xẻ, thuật chữa bệnh về cơ thể, thuật trừ tà, thuật chữa bệnh trẻ em.

Người đệ tử thành tín: Là người đệ tử thành tín với đức Phật, người đệ tử thành tín với Giáo pháp, người đệ tử thành tín với Tăng chúng; người ấy thành tín với đức Thế Tôn, hoặc đức Thế Tôn thừa nhận con người ấy. Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này các Tỳ-khuru, những vị Tỳ-khuru nào là gặt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, này các Tỳ-khuru, đối với Ta, các vị Tỳ-khuru ấy không phải là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khuru, các vị Tỳ-khuru ấy là đã lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khuru ấy không đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Và này các Tỳ-khuru, các vị Tỳ-khuru nào là không gặt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, này các Tỳ-khuru, đối với Ta, các vị Tỳ-khuru ấy là những người đệ tử thành tín. Và này các Tỳ-khuru, các vị Tỳ-khuru ấy là không lìa khỏi Pháp và Luật này; các vị Tỳ-khuru ấy đạt được sự phát triển, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.

1. *Những kẻ gặt gẫm, ương ngạnh, nói nhiều, lừa đảo, khoác lác, không định tĩnh, những người ấy không tiến triển trong giáo pháp đã được đáng Chánh Đẳng Giác chỉ bảo.*

2. *Các vị không gặt gẫm, không nói nhiều, sáng trí, không ương ngạnh, khéo định tĩnh, thật vậy các vị ấy tiến triển trong giáo pháp đã được đáng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng.”*

Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh: Người đệ tử thành tín không nên phục vụ, không nên phục dịch, không nên kê cận, không nên thực hiện, không nên thực hành, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh; hoặc là không nên nắm lấy, không nên tiếp thu, không nên tiếp nhận, không nên suy xét, không nên ứng dụng.

“Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên luyện tập chú thuật, giải mộng, xem tướng và luôn cả chiêm tinh. Người đệ tử thành tín không nên phục vụ việc giải đoán tiếng thú kêu, việc thụ thai và việc chữa bệnh.”

14.14. Không nên chán động vì sự chê bai, vị Tỳ-khuru khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bồn xồn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.

Không nên chán động vì sự chê bai: Ở đây, một số người nào đó chê bai vị Tỳ-khuru: Họ chê bai, chê trách, gièm pha về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về

kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. Khi bị chê bai, bị chê trách, bị gièm pha, [vị ấy] không nên run rẩy, không nên chần động, không nên rúng động, không nên run sợ, không nên khiếp sợ, không nên hoảng sợ, không nên sợ hãi, không nên rơi vào sự kinh sợ vì sự chê bai, vì sự chê trách, vì sự gièm pha, vì sự không nổi tiếng, vì sự không ca tụng; nên có tánh không nhút nhát, không kinh hãi, không sợ sệt, không trốn chạy, nên sống có sự sợ hãi và khiếp đảm đã được dứt bỏ, có sự rón lông đã được xa lìa.

“Không nên chần động vì sự chê bai” là như thế.

Vị Tỳ-khuru khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh: Ở đây, một số người nào đó ca ngợi vị Tỳ-khuru: Họ ca ngợi, khen ngợi, tán dương, ca tụng về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác. Khi được ca ngợi, được khen ngợi, được tán dương, được ca tụng, do sự ca ngợi, do sự khen ngợi, do sự nổi tiếng, do sự ca tụng, [vị ấy] không nên thể hiện sự kiêu hãnh, không nên thể hiện sự hãnh diện, không nên thể hiện sự ngã mạn, không nên thể hiện sự bướng bỉnh, do điều ấy không nên sanh ra ngã mạn, do điều ấy không nên ương ngạnh, ương bướng, ngạnh cao đầu.

“Vị Tỳ-khuru khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh” là như thế.

Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bồn xển, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.

Sự tham lam: Sự tham lam, biểu hiện tham lam, trạng thái tham lam, sự luyến ái mãnh liệt, biểu hiện luyến ái mãnh liệt, trạng thái luyến ái mãnh liệt, tham đắm, tham, cội nguồn của bất thiện.

Sự bồn xển: Có năm loại bồn xển: Bồn xển về chỗ ở,... (nt)... sự nắm lấy được gọi là bồn xển.

Sự giận dữ: Là sự tức tối của tâm, sự tức giận, sự thù hận, sự đối chọi, sự căm giận, sự căm hờn, sự căm ghét, sự sân hận, sự khởi sân, sự sân nộ, sự độc ác của tâm, sự khởi sân của ý, sự giận dữ, biểu hiện giận dữ, trạng thái giận dữ, sự sân hận, biểu hiện sân hận, trạng thái sân hận, sự độc ác, biểu hiện độc ác, trạng thái độc ác, sự chống đối, sự đối chọi, sự tàn nhẫn, sự lỗ mãng, trạng thái không hoan hỷ của tâm.

Việc nói đâm thọc: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó có lời nói đâm thọc: Sau khi nghe ở chỗ này, là người nói lại ở chỗ kia nhằm chia rẽ những người này, hoặc là sau khi nghe ở chỗ kia, là người nói lại cho những người này nhằm chia rẽ những người kia; như vậy là người chia rẽ những kẻ đã được hợp nhất, là người khuyến khích những kẻ chia rẽ, là người thỏa thích phe nhóm, thích thú phe nhóm, hân hoan phe nhóm, là người nói lời tạo ra phe nhóm; điều này được gọi là việc nói đâm thọc. Thêm nữa, người đem lại việc nói đâm thọc vì hai lý do: Vì mong muốn được thương, hoặc là vì ý định chia rẽ.

Đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là thế nào?

[Nghĩ rằng:] “Ta sẽ được người này yêu mến, ta sẽ được quý mến, ta sẽ được tin cậy, ta sẽ trở thành thân tín, ta sẽ trở thành tâm phúc”; đem lại việc nói đâm thọc vì mong muốn được thương nghĩa là như vậy.

Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là thế nào? [Nghĩ rằng:] “Làm thế nào để những người này trở thành xa lạ, trở thành riêng rẽ, trở thành phe nhóm, trở thành hai phần, trở thành hai phía, trở thành hai nhánh, bị chia rẽ, không thể hội tụ, sống khổ sở không thoải mái?” Đem lại việc nói đâm thọc vì ý định chia rẽ nghĩa là như vậy.

Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bõn xẽn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc: Nên đuổi đi, nên xua đuổi, nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự tham lam, sự bõn xẽn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.

“Nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bõn xẽn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên chần động vì sự chê bai, vị Tỳ-khuru khi được ca ngợi không nên kiêu hãnh, nên xua đuổi sự tham lam cùng với sự bõn xẽn, sự giận dữ và việc nói đâm thọc.”

14.15. Không nên tham dự việc mua bán,

Vị Tỳ-khuru không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào,

Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm,

Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc.

Không nên tham dự việc mua bán: Các việc mua bán là bị cấm đoán ở Luật, các việc ấy không được ám chỉ đến trong ý nghĩa này. Thế nào là tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khuru] trao đổi bình bát, y, hoặc bất cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo]⁴ trong khi thực hiện sự trao trả hoặc mong muốn lợi nhuận; tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy. Thế nào là không tham dự việc mua bán? Vị [Tỳ-khuru] trao đổi bình bát, y, hoặc bất cứ vật dụng nào khác với năm hạng người [đồng đạo] trong khi không thực hiện sự trao trả hoặc không mong muốn lợi nhuận; không tham dự việc mua bán nghĩa là như vậy.

Không nên tham dự việc mua bán: Không nên tham dự, không nên tham gia việc mua bán; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc mua bán; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc mua bán, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên tham dự việc mua bán” là như thế.

⁴ Năm hạng người đồng đạo: Tỳ-khuru, Tỳ-khuru-ni, nữ tu tập sự, Sa-di, Sa-di-ni (*Nida*. II. 418).

Vị Tỳ-khuru không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào: Các ô nhiễm gây nên sự chê trách là các ô nhiễm nào? Có một số Sa-môn và Bà-la-môn có thần lực, có thiên nhãn, biết được tâm người khác. Các vị ấy nhìn thấy từ đằng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Các vị thiên nhân cũng có thần lực, có thiên nhãn. Các vị ấy nhìn thấy từ đằng xa, và không được nhìn thấy mặc dầu ở gần bên; các vị ấy nhận biết tâm bằng tâm. Họ có thể chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế. Ô nhiễm thô thiển là các ô nhiễm nào? Uế hạnh về thân, uế hạnh về khẩu, uế hạnh về ý; các điều này được gọi là ô nhiễm thô thiển. Ô nhiễm trung bình là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về dục, suy tư về sân hận, suy tư về hãm hại; các điều này được gọi là ô nhiễm trung bình. Ô nhiễm vi tế là các ô nhiễm nào? Sự suy tư về thân quyền, suy tư về xứ sở, suy tư về việc [hành xác để được] bất tử, suy tư liên quan đến sự trắc ần đối với người khác, suy tư liên quan đến lợi lộc, sự trọng vọng và sự nổi tiếng, suy tư liên quan đến việc không bị khi dễ; các điều này được gọi là ô nhiễm vi tế. Không nên chê trách, không nên thực hiện việc chê trách do [tác động của] các ô nhiễm thô thiển, hoặc do các ô nhiễm trung bình, hoặc do các ô nhiễm vi tế ấy; không nên tạo ra, không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu các ô nhiễm gây nên sự chê trách; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với các ô nhiễm gây nên sự chê trách, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

Ở bất cứ nơi nào: Ở bất cứ đâu, về bất cứ điều gì, ở bất cứ chỗ nào, thuộc nội phần, hoặc ngoại phần, hoặc thuộc nội phần và ngoại phần.

“Vị Tỳ-khuru không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào” là như thế.

Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm: Dính mắc vào làng xóm là thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khuru sống gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Cùng vui, cùng buồn, hạnh phúc khi họ hạnh phúc, đau khổ khi họ đau khổ, tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khuru vào buổi sáng quán y [nội], rồi cầm lấy bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khát thực, với thân không được hộ trì, với khẩu không được hộ trì, với tâm không được hộ trì, với niệm không được thiết lập, với các giác quan không được thu thúc. Vị ấy dính mắc vào chỗ này chỗ khác, nắm lấy cảnh này cảnh khác, bị trói buộc vào nơi này nơi khác, đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Dính mắc vào làng xóm còn là như vậy.

Không dính mắc vào làng xóm là thế nào? Ở đây, vị Tỳ-khuru sống không gắn bó với hàng tại gia ở làng xóm: Không cùng vui, không cùng buồn, không hạnh phúc khi họ hạnh phúc, không đau khổ khi họ đau khổ, không tự mình tham gia hợp tác khi có các công việc cần phải làm. Không dính mắc vào làng xóm là như vậy. Hoặc là, vị Tỳ-khuru vào buổi sáng quán y [nội], rồi cầm lấy

bình bát và y đi vào làng hoặc thị trấn để khát thực, với thân được hộ trì, với khẩu được hộ trì, với tâm được hộ trì, với niệm được thiết lập, với các giác quan được thu thúc. Vị ấy không dính mắc vào chỗ này chỗ khác, không nắm lấy cảnh này cảnh khác, không bị trói buộc vào nơi này nơi khác, không đạt đến sự bất hạnh và tổn hại ở nơi này nơi khác. Không dính mắc vào làng xóm còn là như vậy.

Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm: Không nên dính mắc, không nên nắm lấy, không nên bị trói buộc, không nên bị giữ lại ở làng xóm; nên là người không thèm khát, không bị buộc trói, không bị mê mẩn, không bị gần gũi, có sự thèm khát đã được xa lìa, có sự thèm khát đã được tách lìa, có sự thèm khát đã được từ bỏ,... (nt)... nên sống với trạng thái cao thượng tự thân.

“Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm” là như thế.

Không nên tĩ tề với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Việc tĩ tề là việc nào? Là nói lời chào đón, nói lời tĩ tề, nói lời tĩ tề khôn khéo, nói lời tăng bốc, nói lời tăng bốc khôn khéo, nói lời ràng buộc, nói lời ràng buộc khôn khéo, nói lời khoa trương, nói lời khoa trương khôn khéo, nói lời đường mật, nói lời nịnh hót, nói lời ngon ngọt, nói lời bợ đỡ, nói lời đâm thọc đối với những người khác của kẻ nương tựa vào lợi lộc, vào sự trọng vọng, và sự nổi tiếng của kẻ có ước muốn xấu xa, của kẻ bị thúc đẩy bởi ước muốn, của kẻ xem trọng tài vật, của kẻ chú trọng về pháp thế gian đối với những người khác. Việc nói lời mềm mỏng, nói lời dịu dàng, nói lời dễ dãi, nói lời không thô lỗ trong trường hợp ấy được gọi là tĩ tề. Thêm nữa, kẻ nói tĩ tề với người [thế tục] bởi vì hai lý do: Hoặc là nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác, hoặc là nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác.

Nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là thế nào? [Nói rằng:] “Các người có nhiều sự hỗ trợ cho tôi. Nương tựa vào các người tôi có được y phục, đồ ăn khát thực, chỗ nằm ngồi, vật dụng là thuốc men chữa bệnh. Có những người khác nương theo các người, trong khi nhìn thấy các người, cũng suy nghĩ để bố thí hoặc làm cho tôi. Ngay cả tên gọi trước đây của mẹ cha đặt, tên ấy của tôi cũng đã không còn. Nhờ vào các người, tôi được biết là vị thường tới lui với gia đình của người nam nọ, là vị thường tới lui với gia đình của người nữ kia.” Nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách hạ thấp bản thân và nâng cao người khác nghĩa là như vậy.

Nói tĩ tề với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là thế nào? “Tôi có nhiều sự hỗ trợ cho các người. Sau khi đến với tôi, các người đã đi đến nương nhờ đức Phật, đã đi đến nương nhờ giáo pháp, đã đi đến nương nhờ Tăng chúng, đã tránh xa việc giết hại sinh mạng, đã tránh xa việc lấy vật không được cho, đã tránh xa hành vi sai trái trong các dục, đã tránh xa việc nói dối, đã tránh xa trường hợp để đuôi uống chất say là rượu và chất lên men. Tôi ban bố việc chỉ bảo cho các người, tôi ban bố sự hỏi han, tôi

nói về ngày trai giới, tôi chủ nguyện việc xây dựng. Vậy mà ngược lại, các vị lại bỏ rơi tôi, các vị trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường các vị khác.” Nói tỉ tê với người [thế tục] bằng cách nâng cao bản thân và hạ thấp người khác nghĩa là như vậy.

Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc: Do nhân lợi lộc, do duyên lợi lộc, vì lý do lợi lộc, vì sự phát sinh lợi lộc, trong khi làm cho thành tựu lợi lộc, không nên tỉ tê với người [thế tục]; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc tỉ tê; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc tỉ tê, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Không nên tham dự việc mua bán,
Vị Tỳ-khuru không nên tạo sự chê trách ở bất cứ nơi nào,
Và không nên bị ràng buộc vào làng xóm,
Không nên tỉ tê với người [thế tục] vì mong muốn lợi lộc.”*

14.16. *Và vị Tỳ-khuru không nên là kẻ nói khoe khoang,
Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng],
Không nên học tập lối cư xử xấu xược,
Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã.*

Và vị Tỳ-khuru không nên là kẻ nói khoe khoang: Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó là có sự khoe khoang, có sự phô trương. Vị ấy khoe khoang, phô trương rằng: “Tôi thành tựu về giới”, hoặc “tôi thành tựu về phạm sự”, hoặc “tôi thành tựu về giới và phạm sự”; khoe khoang, phô trương về xuất thân, về dòng dõi, về con nhà gia thế, về vẻ đẹp của làn da, về tài sản, về học vấn, về công việc, về tài nghệ, về kiến thức, về sự học hỏi, về tài biện giải, hoặc về sự việc này khác rằng: “Tôi xuất gia từ gia tộc thượng lưu”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải”, hoặc “tôi xuất gia từ gia tộc có của cải quý giá”, hoặc “tôi là vị chuyên về Kinh”, hoặc “tôi là vị trì Luật”, hoặc “tôi là vị thuyết pháp”, hoặc “tôi là vị ngụ ở rừng”,... (nt)... hoặc “tôi đạt sự thể nhập Phi tướng phi phi tướng xứ.” Không nên khoe khoang, không nên phô trương như vậy; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên khiến cho không còn hiện hữu việc khoe khoang; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự khoe khoang, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Và vị Tỳ-khuru không nên là kẻ nói khoe khoang” là như thế.

Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]: Việc nói ám chỉ là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó nói lời nói ám chỉ về y, nói lời nói ám chỉ về đồ ăn khát thực, nói lời nói ám chỉ về chỗ nằm ngồi, nói lời nói

ám chỉ về vật dụng là thuốc men chữa bệnh; điều này gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vì nguyên nhân y phục, vì nguyên nhân đồ ăn khát thực, vì nguyên nhân chỗ nằm ngồi, vì nguyên nhân vật dụng là thuốc men chữa bệnh, [vị ấy] nói sự thật, nói điều dối trá, nói đâm thọc, nói không đâm thọc, nói thô lỗ, nói không thô lỗ, nói nhảm nhí, nói không nhảm nhí, nói lời khôn khéo; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. Hoặc là, vị có tâm tịnh tín chỉ bảo giáo pháp cho những người khác rằng: “Ồ, quả thật họ nên lắng nghe giáo pháp của ta, sau khi lắng nghe họ nên tịnh tín vào giáo pháp, và họ nên bày tỏ biểu hiện của người đã được tịnh tín ở ta”; điều này cũng gọi là lời nói ám chỉ. **Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]:** Thậm chí ở lời chỉ bảo giáo pháp, không nên nói, không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả lời nói ám chỉ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lời nói ám chỉ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với lời nói ám chỉ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng]” là như thế.

Không nên học tập lối cư xử xác xược.

Sự xác xược: Có ba sự xác xược: Xác xược bằng thân, xác xược bằng khẩu, xác xược bằng ý.

Xác xược bằng thân là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà ăn, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến bến nước, thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà, thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Đối với các vị Tỳ-khuru trưởng lão, [vị ấy] đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Đối với các vị Tỳ-khuru trưởng lão, [vị ấy] đi kinh hành có mang dép trong khi các ngài đi kinh hành không mang dép, đi kinh hành ở đường kinh hành cao hơn trong khi các ngài đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, đi kinh hành ở đường kinh hành trong khi các ngài đi kinh hành ở nền đất, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến tập thể.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà ăn? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến nhà ăn: [Vị ấy] chen vào [chỗ] các Tỳ-khuru trưởng lão rồi ngồi xuống, xua đuổi các Tỳ-khuru mới tu khỏi chỗ ngồi, đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, ngồi trùm đầu, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà ăn.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến nhà tắm hơi: Đối với các vị Tỳ-khuru trưởng lão, [vị ấy] đụng chạm khi đứng, đụng chạm khi ngồi, đứng ở phía trước, ngồi ở phía trước, ngồi chỗ cao hơn, thêm củi lửa vào không hỏi [xin phép], đóng cửa nhà tắm hơi không hỏi [xin phép], vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến nhà tắm hơi.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến bến nước? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến bến nước: Đối với các vị Tỳ-khuru trưởng lão, [vị ấy] đụng chạm khi đi xuống, đi xuống ở phía trước, đụng chạm khi tắm, tắm ở phía trước, tắm ở phía trên, đụng chạm khi đi lên, đi lên ở phía trước, đi lên ở phía trên. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đi đến bến nước.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ trong khi đi vào xóm nhà: [Vị ấy] đụng chạm các vị Tỳ-khuru trưởng lão khi đi, đi ở phía trước, vượt qua rồi đi ở phía trước các vị Tỳ-khuru trưởng lão. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân trong khi đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ đi vào” vẫn đi vào; trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ đứng” vẫn đứng; trong khi được nói rằng: “Thưa ngài, xin chớ ngồi” vẫn ngồi; đi vào nơi không thích hợp, đứng ở nơi không thích hợp, ngồi ở nơi không thích hợp, những nội phòng bí mật và kín đáo của gia đình, là nơi có các phụ nữ, các cô con gái, các cô con dâu, các cô thiếu nữ của gia đình đang ngồi, [vị ấy] đi vào nơi ấy một cách vội vã và xoa đầu bé trai. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng thân khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xác xược bằng thân.

Xác xược bằng khẩu là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng, thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể, thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến hội chúng: Khi chưa xin phép các Tỳ-khuru trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp, trả lời câu hỏi, tụng đọc Giới bốn (*Pātimokkha*), đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xác xược bằng khẩu khi đi đến tập thể? Ở đây, một

vị [Tỳ-khuru] nào đó thể hiện thái độ vô lễ khi đi đến tập thể: Khi chưa xin phép các Tỳ-khuru trưởng lão hoặc chưa được yêu cầu mà [vị ấy] nói pháp cho các vị Tỳ-khuru đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói, nói pháp cho các vị Tỳ-khuru-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ đi đến tu viện, trả lời câu hỏi, đứng nói, vung vẩy cánh tay khi nói. Như vậy là thể hiện sự xúc phạm bằng khẩu khi đi đến hội chúng.

Thế nào là thể hiện sự xúc phạm bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó khi đã đi vào xóm nhà, đã nói với người phụ nữ hoặc cô thiếu nữ như vậy: “Này cô tên thế này, này cô họ thế này, có vật gì không, có cháo không, có thức ăn không, có đồ uống không, chúng tôi sẽ uống gì, chúng tôi sẽ ăn gì, chúng tôi sẽ nhai gì?” Hoặc là nói lái nhai: “Có vật gì không?” Hoặc: “Cô sẽ bỏ thí cái gì?” Như vậy là thể hiện sự xúc phạm bằng khẩu khi đã đi vào xóm nhà. Đây là sự xúc phạm bằng khẩu.

Thế nào là thể hiện sự xúc phạm bằng ý? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc thượng lưu mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc thượng lưu, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc lớn mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc lớn, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có nhiều của cải mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị xuất gia từ gia tộc có nhiều của cải, trong khi được xuất gia không phải từ gia tộc có của cải quý giá..., trong khi không phải là vị chuyên về Kinh mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị chuyên về Kinh, trong khi không phải là vị trì Luật..., trong khi không phải là vị thuyết giảng pháp..., trong khi không phải là vị ngụ ở rừng..., trong khi không phải là vị chuyên đi khất thực..., trong khi không phải là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ..., trong khi không phải là vị chỉ sử dụng ba y..., trong khi không phải là vị đi khất thực tuần tự theo từng nhà..., trong khi không phải là vị không ăn vật thực dăng sau..., trong khi không phải là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm)..., trong khi không phải là vị ngụ ở chỗ đã được chỉ định..., trong khi không phải là vị có đạt sơ thiền mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt sơ thiền... (nt)... trong khi không phải là vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ mà có tâm làm ra vẻ bản thân giống như vị có đạt Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là sự xúc phạm bằng ý.

Không nên học tập lối cư xử xúc phạm: Không nên học tập, không nên thực hành, không nên hành xử, không nên hành theo, không nên thọ trì và vận dụng lối cư xử xúc phạm; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu lối cư xử xúc phạm; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với lối cư xử xúc phạm, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên học tập lối cư xử xúc phạm” là như thế.

Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Ngôn từ đưa đến sự cãi vã là loại nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó là người nói ngôn từ có hình thức

như vậy: “Người không biết Pháp và Luật này,... (nt)... hoặc người hãy gỡ rối nếu người có khả năng.” Bởi vì điều này đã được đức Thế Tôn nói đến: “Này Moggallāna, khi có ngôn từ đưa đến sự cãi vã, việc nhiều lời là điều mong đợi. Khi có nhiều lời, [sẽ có] sự phóng dật, đối với người bị phóng dật [sẽ có] sự không thu thúc, đối với người không thu thúc, tâm [sẽ] xa lìa định.”

Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã: Không nên thuyết, không nên phát ngôn, không nên giảng giải, không nên diễn tả ngôn từ đưa đến sự cãi vã; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu ngôn từ đưa đến sự cãi vã; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với ngôn từ đưa đến sự cãi vã, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Và vị Tỳ-khuru không nên là kẻ nói khoe khoang,
Và không nên nói lời nói ám chỉ [liên quan bốn món vật dụng],
Không nên học tập lối cư xử xác xược,
Không nên nói ra ngôn từ đưa đến sự cãi vã.”*

14.17. Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phạm sự.

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá.

Việc nói lời dối trá: Nói đến việc nói dối. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó đi đến cuộc hội họp hoặc đi đến tập thể... (nt)... vì nguyên nhân về chút ít vật chất đã cố tình nói dối; việc này được gọi là việc nói lời dối trá. Thêm nữa, với ba biểu hiện này thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”; việc nói dối được hình thành với ba biểu hiện này. Thêm nữa, với bốn biểu hiện,... (nt)... với năm biểu hiện,... (nt)... với sáu biểu hiện,... (nt)... với bảy biểu hiện,... (nt)... với tám biểu hiện thì việc nói dối được hình thành: Ngay trước đó, vị này khởi ý rằng: “Ta sẽ nói điều dối trá”, trong khi nói [biết rằng]: “Ta đang nói điều dối trá”, đã nói xong [biết rằng]: “Điều dối trá đã được ta nói”, đã che giấu quan điểm, đã che giấu điều chấp nhận, đã che giấu điều ưa thích, đã che giấu ý tưởng, đã che giấu sự việc; việc nói dối được hình thành với tám biểu hiện này.

Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá: Không nên bị đưa đi, không nên bị dẫn đi, không nên bị lôi đi, không nên bị mang đi trong việc nói lời dối trá; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu việc nói lời dối trá; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với việc nói lời dối trá, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá” là như thế.

Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt: Sự lừa gạt là việc nào? Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó là lừa gạt, lừa dối. Ở người ấy có sự lừa gạt, biểu hiện lừa gạt, trạng thái lừa gạt, biểu hiện thô tháo, trạng thái thô tháo, biểu hiện gian dối, trạng thái gian dối; điều này gọi là sự lừa gạt.

Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt: Sau khi có sự cố tình, [sau khi có sự nhận biết mình] không nên làm sanh ra, không nên làm sanh khởi, không nên làm hạ sanh, không nên làm phát sanh ra sự lừa gạt; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện hữu sự lừa gạt; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự lừa gạt, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt” là như thế.

Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phạm sự.

Và: Từ “*atha*” này là sự nối liền các câu văn... (nt)... tính chất tuần tự của các câu văn. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó, trong khi sống cuộc sống khôn khó, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang rằng: “Tại sao người này lại có cuộc sống đầy đủ, thọ thực mọi thứ như là: Mầm giống từ rễ, mầm giống từ thân, mầm giống từ mắt chồi, mầm giống từ phần ngọn, mầm giống từ hạt là loại thứ năm, với hàm răng búa tựa như quầng sáng của tia chớp mà còn có danh xưng là Sa-môn?” Vị ấy, do cuộc sống khôn khó ấy, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống cao sang. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó, trong khi sống cuộc sống cao sang, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống khôn khó rằng: “Tại sao người này lại ít phước, ít kẻ hộ độ, không có lợi lộc về y phục, vật thực, chỗ trú ngụ, và vật dụng là thuốc men chữa bệnh?” Vị ấy, do cuộc sống cao sang ấy, khinh khi vị khác đang sống cuộc sống khôn khó. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó được thành tựu về tuệ. Vị ấy trả lời câu hỏi khi được chất vấn. Vị ấy suy nghĩ như vậy: “Ta được thành tựu về tuệ, còn những vị khác không được thành tựu về tuệ.” Vị ấy, do sự thành tựu về tuệ ấy, khinh khi vị khác. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó được thành tựu về giới, sống thu thúc với sự thu thúc của Giới bốn (*Pātimokkha*), thành tựu về hạnh kiểm và hành xử, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhất, thọ trì và thực hành trong các điều học. Vị ấy suy nghĩ như vậy: “Ta được thành tựu về giới, còn những vị Tỳ-khuru khác có giới tồi, có ác pháp.” Vị ấy, do sự thành tựu về giới ấy, khinh khi vị khác. Ở đây, một vị [Tỳ-khuru] nào đó được thành tựu về phạm sự: Là vị ngụ ở rừng, hoặc là vị ngụ ở gốc cây, hoặc là vị chuyên đi khát thực, hoặc là vị chỉ mặc y may bằng vải bị quăng bỏ, hoặc là vị chỉ sử dụng ba y, hoặc là vị đi khát thực tuần tự theo từng nhà, hoặc là vị không ăn vật thực dâng sau, hoặc là vị chuyên về oai nghi ngồi (không nằm), là vị ở chỗ đã được chỉ định. Vị ấy suy nghĩ như vậy: “Ta được thành tựu về phạm sự, còn những vị khác không thành tựu về phạm sự.” Vị ấy, do sự thành tựu về phạm sự ấy, khinh khi vị khác.

Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự: Do cuộc sống khôn khó, hoặc do cuộc sống cao sang, hoặc do sự thành tựu về tuệ, hoặc do sự thành tựu về giới, hoặc do sự thành tựu về phận sự, không nên khinh khi, không nên khi dễ người khác; không vì điều ấy mà sanh ra ngã mạn, không vì điều ấy mà trở nên ương ngạnh, ương bướng, ngồng cao đầu.

“Và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Không nên bị lôi kéo vào việc nói lời dối trá, không nên cố tình thực hiện các sự lừa gạt, và không nên khinh khi người khác về sự sinh sống, về sự nhận thức, về giới và phận sự.”

14.18. Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói

*Của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu,
Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ,
Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng.*

Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu.

Bị bôi nhọ: Bị bôi nhọ là bị mắng nhiếc, bị đụng chạm, bị khinh bỉ, bị chê trách, bị gièm pha.

Các vị Sa-môn: Bất cứ những vị nào đã đi đến hạnh du sĩ, đã thành tựu hạnh du sĩ bên ngoài giáo pháp này.

Lời nói của những kẻ phàm phu: Các Sát-đế-ly, các Bà-la-môn, các thương buôn, các nô lệ, các người tại gia, các vị xuất gia, chư thiên và loài người; những người ấy sỉ vả, chê bai, gây khó chịu, gây bức mình, gây tổn hại, hãm hại, quấy rối, ức hiếp, hủy hoại, phá hại, hoặc gây nên sự phá hại bằng nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến; sau khi nghe, sau khi lắng nghe, sau khi tiếp thu, sau khi tiếp nhận, sau khi suy xét nhiều lời nói không đáng mong, không đáng muốn, không đáng mến của những người ấy.

“Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu” là như thế.

Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ.

Một cách thô lỗ: Một cách thô lỗ là một cách thô bạo.

Không nên đáp trả lại: Không nên nói lại, không nên sỉ vả lại người đang sỉ vả, không nên chọc giận lại người đang chọc giận, không nên cãi lộn với người đang cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi cộ, không nên tạo ra sự cãi lộn, không nên tạo ra sự cãi vã, không nên tạo ra sự tranh cãi, không nên tạo ra sự gây gổ; nên dứt bỏ, nên xua đi, nên làm chấm dứt, nên làm cho không còn hiện

hữu sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gỗ; nên tránh khỏi, xa lánh, tránh xa, đi ra ngoài, rời ra, thoát khỏi, không bị ràng buộc với sự cãi cọ, cãi lộn, tranh luận, tranh cãi, gây gỗ, nên sống với tâm đã được làm trở thành không còn giới hạn.

“Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ” là như thế.

Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng.

Các bậc an tịnh: Trạng thái được an tịnh của luyến ái là an tịnh, trạng thái được an tịnh, trạng thái được yên lặng, trạng thái được vắng lặng, trạng thái được thiêu hủy, trạng thái được tịch diệt, trạng thái được tách lìa; trạng thái được tịch tịnh của sân hận, của si mê, của giận dữ, của thù hận... (nt)... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là an tịnh, yên tịnh, vắng lặng, tịch diệt, tịch tịnh. “An tịnh” là như thế.

Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng: Các bậc an tịnh không thể hiện, không làm sanh ra, không làm sanh khởi, không làm hạ sanh, không làm phát sanh sự phản kháng, sự đối kháng, sự gây gỗ, sự chống báng.

“Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Bị bôi nhọ sau khi nghe nhiều lời nói
Của các vị Sa-môn, của những kẻ phàm phu,
Không nên đáp trả lại những kẻ ấy một cách thô lỗ,
Bởi vì các bậc an tịnh không thể hiện sự phản kháng.”*

14.19. Và sau khi hiểu thông giáo pháp này,

*Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm,
Sau khi biết được sự diệt tắt là “an tịnh”,
Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama.*

Và sau khi hiểu thông giáo pháp này.

Này: Là điều đã được nêu ra, đã được chỉ bảo, đã được thông báo, đã được ấn định, đã được khai mở, đã được chia sẻ, đã được làm rõ, đã được bày tỏ.

Sau khi hiểu thông giáo pháp: Sau khi biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt. “Và sau khi hiểu thông giáo pháp này” là như vậy. Hoặc là, sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là đúng đắn, là sai trái, là đúng đường lối, là sai đường lối, là có tội lỗi, là không có tội lỗi, là thấp kém, là cao quý, là đen, là trắng, là bị người hiểu biết chê trách, là được người hiểu biết khen ngợi. “Và sau khi hiểu thông giáo pháp này” còn là như vậy. Hoặc là, sau khi hiểu thông, sau khi biết được, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt giáo pháp là sự thực hành đúng đắn, sự thực hành phù hợp, sự thực hành không trái ngược, sự thực hành đưa đến lợi ích, sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, việc làm đầy đủ các

giới, việc phòng vệ các giác quan, việc biết chừng mực về vật thực, sự luyện tập về tỉnh thức, niệm và sự nhận biết rõ, bốn sự thiết lập niệm, bốn chánh cần, bốn nền tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy yếu tố đưa đến giác ngộ, đạo lộ Thánh thiện tám chi phần, Niết-bàn và sự thực hành đưa đến Niết-bàn.

“Và sau khi hiểu thông giáo pháp này” còn là như vậy.

Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm.

Trong khi suy gẫm: Là đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt. Đang suy gẫm, đang suy nghiệm, đang cân nhắc, đang xác định, đang minh định, đang làm rõ rệt rằng: “Tất cả các hành là vô thường”;... (nt)... “Điều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt.” “Vị Tỳ-khưu, trong khi suy gẫm” là như thế.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Có niệm: Có niệm bởi bốn lý do: Có niệm trong khi tu tập sự thiết lập niệm ở việc quan sát thân trên thân... (nt)... người ấy được gọi là có niệm.

Nên học tập: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;... (nt)... nên học tập, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

“Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm” là như thế.

Sau khi biết được sự diệt tắt là “an tịnh”: Sau khi biết được sự diệt tắt của luyến ái là “an tịnh”, sau khi biết được sự diệt tắt của sân hận... của si mê... (nt)... của tất cả các pháp tạo tác bất thiện là “an tịnh”, sau khi nhận biết, sau khi cân nhắc, sau khi xác định, sau khi minh định, sau khi làm rõ rệt.

“Sau khi biết được sự diệt tắt là ‘an tịnh’” là như thế.

Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama: Về lời giáo huấn của đức Gotama, về lời giáo huấn của đức Phật, về lời giáo huấn của đấng Chiến Thắng, về lời giáo huấn của đức Như Lai, về lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, về lời giáo huấn của bậc A-la-hán.

Không nên xao lãng: Là nên có sự thực hành nghiêm trang, có sự thực hành liên tục, có sự thực hành không ngừng nghỉ, có thói quen không biếng nhác, không buông bỏ mong muốn, không buông bỏ bốn phần trong các thiện pháp, [nghĩ rằng:] “Khi nào ta có thể làm đầy đủ hoặc giới uẩn chưa được đầy đủ,... (nt)... hoặc định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn chưa được đầy đủ? Khi nào ta có thể biết toàn diện về khổ chưa được biết toàn diện, hoặc có thể dứt bỏ các ô nhiễm chưa được dứt bỏ, hoặc tu tập đạo chưa được tu tập, hoặc chứng ngộ diệt chưa được chứng ngộ?” Điều này, trong trường hợp ấy, là sự mong muốn, sự tinh tấn, sự gắng sức, sự ráng sức, sự đồng mãnh, sự không thối chí, niệm, sự nhận biết rõ, sự nhiệt tâm, sự cần mẫn, sự quyết tâm, sự chuyên cần, sự không xao lãng trong các thiện pháp.

“Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

*“Và sau khi hiểu thông giáo pháp này,
Trong khi suy gẫm, vị Tỳ-khưu nên học tập, luôn luôn có niệm,
Sau khi biết được sự diệt tận là ‘an tịnh’,
Không nên xao lãng về lời giáo huấn của đức Gotama.”*

14.20. *“Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị, vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi. Chính vì thế, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy” [đức Thế Tôn nói vậy].*

Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị.

Người chiến thắng: Người chiến thắng các sắc, người chiến thắng các thính, người chiến thắng các hương, người chiến thắng các vị, người chiến thắng các xúc, người chiến thắng các pháp, không bị ngự trị bởi bất cứ ô nhiễm nào; vị đã ngự trị các ác bất thiện pháp hạ liệt ấy, các điều ô nhiễm đưa đến tái sanh, có sự phiền muộn, có kết quả khổ, đưa đến sanh-già-chết ở vị lai.

“Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị” là như thế.

Vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi.

Pháp thực chứng: [Vị ấy] đã nhìn thấy, đã nhìn xem, đã nhận thấy, đã thấu triệt pháp đã được chính bản thân biết rõ, đã được tự thân quán xét, không do nghe lời đồn đãi, không do nghe nói như thế, không do sự truyền thừa, không do sự thành tựu của việc thu thập kiến thức, không do nhân suy nghĩ, không do nhân suy luận, không do suy đoán theo biểu hiện, không do sự suy xét và chấp nhận về quan điểm.

“Vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi” là như thế.

Chính vì thế,... ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy.

Vì thế: Vì thế là bởi lý do ấy, bởi nhân ấy, bởi duyên ấy, bởi căn nguyên ấy.

Ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy: Ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy là ở lời giáo huấn của đức Gotama, ở lời giáo huấn của đức Phật, ở lời giáo huấn của đảng Chiến Thắng, ở lời giáo huấn của đức Như Lai, ở lời giáo huấn của vị Chúa của chư thiên, ở lời giáo huấn của bậc A-la-hán.

“Chính vì thế,... ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy” là như thế.

Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vậy].

Không xao lãng: Là có sự thực hành nghiêm trang,... (nt)... sự không xao lãng trong các thiện pháp.

Luôn luôn: Luôn luôn là mọi lúc, mọi thời,... (nt)... ở chặng cuối của tuổi thọ.

Trong lúc kính lễ: Trong lúc đang kính lễ bằng thân, hoặc đang kính lễ bằng khẩu, hoặc đang kính lễ bằng tâm, hoặc đang kính lễ bằng hành động thuận theo đạo lý, hoặc đang kính lễ bằng sự thực hành đúng pháp và thuận pháp, hoặc đang thể hiện sự trọng vọng, đang thể hiện sự kính trọng, đang sùng bái, đang cúng dường, đang nê nang.

Nên học tập theo: Có ba sự học tập: Học tập về thắng giới, học tập về thắng tâm, học tập về thắng tuệ. ... (nt)... việc này là sự học tập về thắng tuệ. Trong khi hướng tâm đến ba sự học tập này thì nên học tập;... (nt)... trong khi chứng ngộ pháp cần được chứng ngộ thì nên học tập, nên thực hành, nên hành xử, nên hành theo, nên thọ trì và vận dụng.

Đức Thế Tôn: Là từ xưng hô với sự tôn kính. ... (nt)... sự quy định do việc chứng ngộ, tức là “đức Thế Tôn.”

“Luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo [đức Thế Tôn nói vậy]” là như thế.

Vì thế, đức Thế Tôn đã nói rằng:

“Bởi vì, vị ấy là người chiến thắng, bậc không bị ngự trị, vị đã nhìn thấy pháp thực chứng, không do nghe lời đồn đãi. Chính vì thế, luôn luôn không xao lãng, trong lúc kính lễ, nên học tập theo ở lời giáo huấn của đức Thế Tôn ấy” [đức Thế Tôn nói vậy].

“Diễn giải kinh một cách nhanh chóng” được đầy đủ - Phần thứ mười bốn.

